

Số: 871 /QĐ-BD TTG

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,
thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 – 2030 (đợt 2)**

BỘ TRƯỞNG BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Căn cứ Nghị định số 297/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29 tháng 01 năm 2026, Quyết định số 104/QĐ-BD TTG ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định số 255/QĐ-BD TTG ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân 05 tỉnh về việc phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp thôn;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Quốc gia về dân tộc và miền núi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030 của 05 tỉnh (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định này thay thế Danh sách tương ứng đã được công bố, sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29 tháng 01 năm 2026, Quyết định số 104/QĐ-BD TTG ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định số 255/QĐ-BD TTG ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, đối với các tỉnh có Danh sách được công bố tại Quyết định này.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh có thôn quy định tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *HR*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan làm công tác dân tộc và tôn giáo các tỉnh;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thủ trưởng,
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;
- Công TTĐT của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Lưu: VT, VPQGDTMN (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Y Vinh Tor

DANH SÁCH

Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,
thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm Quyết định số 871/QĐ-BDTTG ngày 16 tháng 10 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

1. TỈNH LÀO CAI

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
	Tổng cộng		1.408	1.300	1.285	691
1	Xã Khao Mang		11	11	11	10
		1	Thôn Khao Mang	x	x	x
		2	Thôn Háng Đề Chu	x	x	x
		3	Thôn Háng Bla Ha B	x	x	x
		4	Thôn Háng Bla Ha A	x	x	x
		5	Thôn Séo Mả Pán	x	x	x
		6	Thôn Háng Đề Đài	x	x	x
		7	Thôn Thái	x	x	
		8	Thôn Háng Cháng Lừ	x	x	x
		9	Thôn Trống Là	x	x	x
		10	Thôn Trống Gầu Bua	x	x	x
		11	Thôn Háng Á	x	x	x
2	Xã Mù Cang Chải		14	14	14	10
		1	Thôn Háng Đẳng Dê	x	x	x
		2	Thôn Hoàng Liên	x	x	
		3	Thôn Trung Tâm	x	x	
		4	Thôn Nả Háng	x	x	x
		5	Thôn Màng Mủ	x	x	x
		6	Thôn Háng Tông	x	x	x
		7	Thôn Mồ Dề	x	x	x
		8	Thôn Khim Nọi	x	x	
		9	Thôn Chế Cu Nha	x	x	
		10	Thôn Sáng Nhù	x	x	x
		11	Thôn Dề Thàng	x	x	x
		12	Thôn Thảo Chua Chải	x	x	x
		13	Thôn Đào Xa	x	x	x
		14	Thôn La Phu Khơ	x	x	x
3	Xã Púng Luông		16	16	16	15
		1	Thôn Làng Sang	x	x	x
		2	Thôn Kang Đề	x	x	x
		3	Thôn Nậm Khắt	x	x	x
		4	Thôn Púng Luông	x	x	x
		5	Thôn Háng Tủa Chừ	x	x	x
		6	Thôn Háng Cơ Bua	x	x	x
		7	Thôn Háng Tàu	x	x	x
		8	Thôn Trông Đông	x	x	x
		9	Thôn Phình Hồ	x	x	x
		10	Thôn Ngã Ba Kim	x	x	
		11	Thôn La Pán Tẩn	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		12	Thôn Dế Xu Phình	x	x	x
		13	Thôn Pu Nhu - Háng Sung	x	x	x
		14	Thôn Tà Chí Lừ	x	x	x
		15	Thôn Hua Khắt	x	x	x
		16	Thôn Xua Lông	x	x	x
4	Xã Chế Tạo		4	4	4	3
		1	Thôn Tà Đông	x	x	x
		2	Thôn Kề Cả	x	x	x
		3	Thôn Chế Tạo	x	x	
		4	Thôn Pú Vá	x	x	x
5	Xã Lao Chải		9	9	9	9
		1	Thôn Háng Gàng	x	x	x
		2	Thôn Xéo Di Hồ	x	x	x
		3	Thôn Hồng Nhi Pá	x	x	x
		4	Thôn Lao Chải	x	x	x
		5	Thôn Cồ Dề Sang	x	x	x
		6	Thôn Hủ Trù Linh	x	x	x
		7	Thôn Đào Cu Nha	x	x	x
		8	Thôn Đào Xa	x	x	x
		9	Thôn Đẻ Sủa	x	x	x
6	Xã Nậm Có		10	10	10	8
		1	Thôn Nậm Pảng	x	x	x
		2	Thôn Có Thái	x	x	
		3	Thôn Có Mông	x	x	x
		4	Thôn Tu San	x	x	x
		5	Thôn Tà Ghênh	x	x	
		6	Thôn Thảo Xa Chải	x	x	x
		7	Thôn Làng Giàng	x	x	x
		8	Thôn Lùng Cúng	x	x	x
		9	Thôn Đá Đen	x	x	x
		10	Thôn Mú Cái Hồ	x	x	x
7	Xã Trạm Tấu		15	15	15	14
		1	Thôn Giao Lâu	x	x	x
		2	Thôn Pá Lau	x	x	x
		3	Thôn Làng Tổng	x	x	x
		4	Thôn Tấu Trên	x	x	x
		5	Thôn Tấu Dưới	x	x	x
		6	Thôn Km 14+17	x	x	
		7	Thôn Mo Nhang + Km 21	x	x	x
		8	Thôn Tà Tàu	x	x	x
		9	Thôn Pá Hu	x	x	x
		10	Thôn Háng Gàng	x	x	x
		11	Thôn Cang Đông	x	x	x
		12	Thôn Háng Tàu	x	x	x
		13	Thôn Pa Te	x	x	x
		14	Thôn Làng Linh	x	x	x
		15	Thôn Pá Khoang	x	x	x
8	Xã Hạnh Phúc		10	10	10	7
		1	Thôn Trạm Tấu	x	x	
		2	Thôn Bản Lìu	x	x	
		3	Thôn Bản Hát	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		4	Thôn Xà Hồ	x	x	x
		5	Thôn Trống Khua	x	x	x
		6	Thôn Bản Công	x	x	x
		7	Thôn Tà Xùa	x	x	x
		8	Thôn Cu Vai	x	x	x
		9	Thôn Sáng Pao	x	x	x
		10	Thôn Kháo Chu	x	x	x
9	Xã Phình Hồ		9	9	9	9
		1	Thôn Khẩu Ly	x	x	x
		2	Thôn Hấu Đề	x	x	x
		3	Thôn Tà Ghênh	x	x	x
		4	Thôn Suối Xuân	x	x	x
		5	Thôn Làng Nhì	x	x	x
		6	Thôn Chổng Tàu	x	x	x
		7	Thôn Bản Mù	x	x	x
		8	Thôn Giàng La Pán	x	x	x
		9	Thôn Phình Hồ	x	x	x
10	Xã Tà Xi Láng		3	3	3	3
		1	Thôn Xá Nhù	x	x	x
		2	Thôn Chổng Chùa	x	x	x
		3	Thôn Làng Mảnh	x	x	x
11	Xã Liên Sơn		12	11	12	1
		1	Thôn Ả Hạ	x	x	
		2	Thôn Pá Làng	x	x	x
		3	Thôn Bản Viêng	x	x	
		4	Thôn Ao Luông	x	x	
		5	Thôn Góc Bục	x	x	
		6	Thôn Liên Sơn	x	x	
		7	Thôn Bản Hèo		x	
		8	Thôn Co Cọi	x	x	
		9	Thôn Bản Cai	x	x	
		10	Thôn Bản Xá	x	x	
		11	Thôn Bản Bon	x	x	
		12	Thôn Suối Cài	x	x	
12	Phường Nghĩa Lộ		9	9	9	2
		1	Tổ dân phố 1	x	x	
		2	Tổ dân phố 2	x	x	
		3	Tổ dân phố 3	x	x	
		4	Tổ dân phố Nghĩa An	x	x	
		5	Tổ dân phố Tân An	x	x	
		6	Tổ dân phố Thống Nhất	x	x	
		7	Tổ dân phố Đoàn Kết	x	x	x
		8	Tổ dân phố Pú Chạng	x	x	
		9	Tổ dân phố Nghĩa Sơn	x	x	x
13	Phường Trung Tâm		15	12	15	0
		1	Tổ dân phố 1	x	x	
		2	Tổ dân phố 2	x	x	
		3	Tổ dân phố 3	x	x	
		4	Tổ dân phố 4	x	x	
		5	Tổ dân phố 5		x	
		6	Tổ dân phố 6		x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		7	Tổ dân phố 7		x	
		8	Tổ dân phố Sà Rèn	x	x	
		9	Tổ dân phố Nghĩa Lợi	x	x	
		10	Tổ dân phố Chao Hạ	x	x	
		11	Tổ dân phố Pá Xổm	x	x	
		12	Tổ dân phố Năm Hăn	x	x	
		13	Tổ dân phố Quân Chanh	x	x	
		14	Tổ dân phố Phù Nham	x	x	
		15	Tổ dân phố Phù Ninh	x	x	
14	Phường Cầu Thia		16	16	16	7
		1	TDP Bản Có	x	x	x
		2	TDP Nậm Tăng	x	x	x
		3	TDP Nà Đường	x	x	x
		4	TDP Thạch Lương	x	x	
		5	TDP Khá Thượng	x	x	
		6	TDP Thanh Lương	x	x	
		7	TDP Bản Ngoa	x	x	
		8	TDP Phúc Sơn	x	x	
		9	TDP Bản Hán	x	x	x
		10	TDP Bản Mớ	x	x	
		11	TDP Viêng Công	x	x	x
		12	TDP Hạnh Sơn	x	x	
		13	TDP Đình Cại	x	x	x
		14	Tổ dân phố số 3	x	x	
		15	Tổ dân phố số 5	x	x	
		16	TDP Điệp Quang	x	x	x
15	Xã Tú Lệ		13	13	13	6
		1	Thôn Tà Sung	x	x	x
		2	Thôn Bản Phạ	x	x	
		3	Thôn Bản Côm	x	x	
		4	Thôn Tà Chơ	x	x	x
		5	Thôn Tà Đông	x	x	x
		6	Thôn Lìm Mông	x	x	x
		7	Thôn Lìm Thái	x	x	
		8	Thôn Kháo Nhà	x	x	x
		9	Thôn Búng Sỏm	x	x	
		10	Thôn Nà Lóng	x	x	
		11	Thôn Pom Ban	x	x	
		12	Thôn Nước Nóng	x	x	x
		13	Thôn Mạ Tun	x	x	
16	Xã Gia Hội		14	14	14	8
		1	Thôn Nậm Lành	x	x	x
		2	Thôn Nậm Búng	x	x	
		3	Thôn Bản Van	x	x	
		4	Thôn Nam Vai	x	x	
		5	Thôn Chiềng Păn	x	x	x
		6	Thôn Bản Đôn	x	x	
		7	Thôn Sài Lương	x	x	x
		8	Thôn Nậm Chậu	x	x	x
		9	Thôn Nậm Pươi	x	x	
		10	Thôn Nậm Cưởm	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		11	Thôn Minh Nội	x	x	x
		12	Thôn Nậm Kíp	x	x	
		13	Thôn Tà Lành	x	x	x
		14	Thôn Tộc Cài	x	x	x
17	Xã Sơn Lương		15	15	15	13
		1	Thôn Nậm Mười	x	x	x
		2	Thôn Làng Cò	x	x	x
		3	Thôn Nà Nội	x	x	x
		4	Thôn Vàng Ngần	x	x	x
		5	Thôn Bản Tú	x	x	x
		6	Thôn Suối Quyền	x	x	x
		7	Thôn Bản Giồng	x	x	
		8	Thôn Giàng Pằng	x	x	x
		9	Thôn Làng Mảnh	x	x	x
		10	Thôn Nà La	x	x	x
		11	Thôn Sùng Đô	x	x	x
		12	Thôn Liên Suu	x	x	x
		13	Thôn Khe Trang	x	x	x
		14	Thôn Khe Lai	x	x	x
		15	Thôn Bản Lầm	x	x	
18	Xã Văn Chấn		20	20	20	9
		1	Thôn An Hà Thịnh	x	x	
		2	Thôn Thác Hoa	x	x	
		3	Thôn Đồng Phiêng	x	x	
		4	Thôn Sơn Thịnh	x	x	
		5	Thôn Hoa Ban	x	x	
		6	Thôn Cầu Nhì	x	x	
		7	Thôn Đồng Khê	x	x	
		8	Thôn Nà Trạm	x	x	
		9	Thôn Ao Sen	x	x	
		10	Thôn Suối Mường	x	x	
		11	Thôn Suối Khoáng	x	x	x
		12	Thôn Pang Cáng	x	x	x
		13	Thôn Suối Giàng	x	x	x
		14	Thôn Kang Kỷ	x	x	x
		15	Thôn Suối Bu	x	x	x
		16	Thôn Sơn Lệnh	x	x	x
		17	Thôn Tập Lãng	x	x	x
		18	Thôn Làng Hua	x	x	x
		19	Thôn Ba Cầu	x	x	x
		20	Thôn Hồng Sơn	x	x	
19	Xã Thượng Bằng La		15	8	15	5
		1	Thôn Dạ	x	x	x
		2	Thôn Hán	x	x	x
		3	Thôn Mỏ	x	x	x
		4	Thôn Cướm	x	x	
		5	Thôn Noong Tài	x	x	x
		6	Thôn 19/5		x	x
		7	Thôn Bửu	x	x	
		8	Thôn Văn Tiên		x	
		9	Thôn 9		x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		10	Thôn 10		X	
		11	Thôn Nhà Máy		X	
		12	Thôn Trần Phú	X	X	
		13	Thôn 2	X	X	
		14	Thôn 3		X	
		15	Thôn Nông Trường		X	
20	Xã Chấn Thịnh		16	16	14	7
		1	Thôn Tân Thịnh	X	X	
		2	Thôn Mỹ	X	X	
		3	Thôn Tó	X	X	X
		4	Thôn Đồng Quéo	X	X	X
		5	Thôn Dù	X	X	X
		6	Thôn Lạn	X	X	
		7	Thôn Chùa	X		
		8	Thôn Cao 2	X	X	X
		9	Thôn Cao 1	X		
		10	Thôn Bò Ba	X	X	X
		11	Thôn Dày 2	X	X	X
		12	Thôn Đại Lịch	X	X	
		13	Thôn Bằng Là	X	X	
		14	Thôn Kè	X	X	
		15	Thôn Thanh Tú	X	X	
		16	Thôn Khe Mơ	X	X	X
21	Xã Nghĩa Tâm		15	15	15	10
		1	Thôn Liên Thành	X	X	X
		2	Thôn Đồng Thập	X	X	X
		3	Thôn Minh An	X	X	X
		4	Thôn Khe Phứa	X	X	
		5	Thôn Phào	X	X	X
		6	Thôn Nghĩa Lập	X	X	X
		7	Thôn Tinh Luát	X	X	X
		8	Thôn Duyên Đồng	X	X	
		9	Thôn Tho	X	X	
		10	Thôn Nghĩa Hùng	X	X	
		11	Thôn Kiến Rịa	X	X	
		12	Thôn Bình Thuận	X	X	X
		13	Thôn Đồng	X	X	X
		14	Thôn Rẹ	X	X	X
		15	Thôn Quăn	X	X	X
22	Xã Cát Thịnh		14	13	14	6
		1	Thôn Khe Dịa	X	X	
		2	Thôn Vực Tuần	X	X	
		3	Thôn Đá Gân	X	X	
		4	Thôn Pín Pé	X	X	X
		5	Thôn Khe Đắc	X	X	
		6	Thôn Hùng Thịnh		X	
		7	Thôn Ba Khe	X	X	
		8	Thôn Khe Kẹn	X	X	X
		9	Thôn Ba Chum	X	X	X
		10	Thôn Ngã Ba	X	X	
		11	Thôn Đồng Hèo	X	X	X

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		12	Thôn Làng Ca	x	x	x
		13	Thôn Làng Lao	x	x	x
		14	Thôn Khe Nước	x	x	
23	Xã Phong Dụ Hạ		6	6	6	3
		1	Thôn Khe Đóm	x	x	x
		2	Thôn Khe Hao	x	x	x
		3	Thôn Khe Chung	x	x	
		4	Thôn Khe Lép	x	x	x
		5	Thôn Lắc Mường	x	x	
		6	Thôn Khe Kia	x	x	
24	Xã Châu Quế		12	11	12	2
		1	Thôn Ngọc Châu	x	x	
		2	Thôn Khe Pháo	x	x	
		3	Thôn Pha Trạc	x	x	
		4	Thôn Bản Tát	x	x	
		5	Thôn Nhược	x	x	
		6	Thôn Đồng Tâm		x	
		7	Thôn Ngòi Lầu	x	x	
		8	Thôn Ngòi Nhầy	x	x	
		9	Thôn Khe Bành	x	x	
		10	Thôn Nhèo	x	x	
		11	Thôn Ao Ếch	x	x	x
		12	Thôn Khe Sán	x	x	x
25	Xã Lâm Giang		16	11	16	5
		1	Thôn Bo	x	x	
		2	Thôn Nghĩa Giang		x	
		3	Thôn Trục Ngoài	x	x	x
		4	Thôn Trục Trong	x	x	x
		5	Thôn Khe Bút	x	x	
		6	Thôn Ngũ Lâm		x	
		7	Thôn Hợp Lâm		x	
		8	Thôn Khay Đạo	x	x	x
		9	Thôn Ngòi Cài	x	x	
		10	Thôn Ly	x	x	
		11	Thôn Nghĩa Dũng		x	
		12	Thôn Tiên Phong		x	
		13	Thôn Thíp Đạo	x	x	x
		14	Thôn Làng Đam	x	x	
		15	Thôn Bùn Đạo	x	x	x
		16	Thôn Liên Sơn	x	x	
26	Xã Đông Cường		13	11	7	2
		1	Thôn Sắt Ngọt	x		
		2	Thôn Trung Tâm	x		
		3	Thôn Sân Bay	x		
		4	Thôn Sài Lương	x		
		5	Thôn An Bình		x	
		6	Thôn Khe Ròng	x	x	
		7	Thôn Khe Ván	x	x	
		8	Thôn Quang Minh	x	x	
		9	Thôn Đông An	x		
		10	Thôn An Khang	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		11	Thôn Đức An		x	
		12	Thôn Đập Dóm	x	x	x
		13	Thôn Bến Đền	x		
27	Xã Tân Hợp		9	9	9	5
		1	Thôn Ghềnh Ngai	x	x	
		2	Thôn Gốc Gạo	x	x	
		3	Thôn Hạnh Phúc	x	x	
		4	Thôn Đại Sơn	x	x	
		5	Thôn Khe Phầy	x	x	x
		6	Thôn Ba Khuy	x	x	x
		7	Thôn Nà Hâu	x	x	x
		8	Thôn Bản Tát	x	x	x
		9	Thôn Làng Bang	x	x	x
28	Xã Mậu A		20	9	20	0
		1	Thôn Yên Hưng	x	x	
		2	Thôn Yên Thái 1	x	x	
		3	Thôn Yên Thái 2	x	x	
		4	Thôn Mậu A 1		x	
		5	Thôn Mậu A 2		x	
		6	Thôn Mậu A 3		x	
		7	Thôn Mậu A 4		x	
		8	Thôn Mậu A 5		x	
		9	Thôn Mậu A 6		x	
		10	Thôn Ngòi A1	x	x	
		11	Thôn Ngòi A2	x	x	
		12	Thôn Ngòi A3	x	x	
		13	Thôn An Thịnh 1		x	
		14	Thôn An Thịnh 2		x	
		15	Thôn An Thịnh 3		x	
		16	Thôn An Thịnh 4	x	x	
		17	Thôn An Thịnh 5	x	x	
		18	Thôn An Thịnh 6	x	x	
		19	Thôn Mậu Đông 1		x	
		20	Thôn Mậu Đông 2		x	
29	Xã Xuân Ái		28	13	26	0
		1	Thôn Trung Tâm		x	
		2	Thôn Ngòi Viễn		x	
		3	Thôn Sông Hồng		x	
		4	Thôn Đoàn Kết	x	x	
		5	Thôn Quyết Hùng		x	
		6	Thôn Nghĩa Lạc		x	
		7	Thôn Quyết Tiến	x	x	
		8	Thôn Phú Thôn	x	x	
		9	Thôn Yên Sơn		x	
		10	Thôn Phú Sơn		x	
		11	Thôn Yên Phú	x		
		12	Thôn Yên Tiên		x	
		13	Thôn Giàn Khế	x	x	
		14	Thôn Khe Dứa	x	x	
		15	Thôn Khe Lợ	x	x	
		16	Thôn Khe Quế	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		17	Thôn Tháp Con	x	x	
		18	Thôn Tháp Cái	x	x	
		19	Thôn Đại Phác	x	x	
		20	Thôn Đại Thắng	x	x	
		21	Thôn Tân Thành		x	
		22	Thôn Tân An		x	
		23	Thôn Phúc Thành		x	
		24	Thôn Thống Nhất		x	
		25	Thôn Yên Thành		x	
		26	Thôn Yên Dũng		x	
		27	Thôn Yên Hòa	x	x	
		28	Thôn Yên Thịnh		x	
30	Xã Mỏ Vàng		9	9	9	7
		1	Thôn Giản Dầu	x	x	
		2	Thôn Khe Hóp	x	x	x
		3	Thôn Khe Lóng	x	x	x
		4	Thôn Khe Trầu	x	x	x
		5	Thôn An Lương	x	x	x
		6	Thôn Sài Lương	x	x	x
		7	Thôn Thác Tiên	x	x	
		8	Thôn Sài Lương 3	x	x	x
		9	Thôn Suối Dầm	x	x	x
31	Phong Dụ Thượng		7	7	7	3
		1	Thôn Bản Lũng	x	x	x
		2	Thôn Làng Chạng	x	x	
		3	Thôn Làng Than	x	x	
		4	Thôn Thượng Sơn	x	x	
		5	Thôn Cao Sơn	x	x	
		6	Thôn Khe Mạg	x	x	x
		7	Thôn Khe Dệt	x	x	x
32	Xã Lâm Thượng		17	17	17	9
		1	Thôn Bản Pình	x	x	
		2	Thôn Hìn Lạn	x	x	x
		3	Thôn Muối Lay	x	x	x
		4	Thôn Khiểng Khun	x	x	x
		5	Thôn Tân Phụng	x	x	x
		6	Thôn Nậm Chấn	x	x	x
		7	Thôn Khánh Hồng	x	x	
		8	Thôn Tông Áng	x	x	x
		9	Thôn Khánh Thiện	x	x	x
		10	Thôn Bắc Sơn	x	x	
		11	Thôn Sơn Đông	x	x	
		12	Thôn Mai Sơn	x	x	
		13	Thôn Khéo Lặng	x	x	
		14	Thôn Nà Kèn - Nậm Trọ	x	x	x
		15	Thôn Bẻ Chỏi	x	x	x
		16	Thôn Làng Giàu	x	x	
		17	Thôn Sơn Nam	x	x	
33	Xã Lục Yên		32	32	32	0
		1	Thôn 1	x	x	
		2	Thôn Kéo Quạng	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		3	Thôn Nà Vài	x	x	
		4	Thôn Xuân Yên	x	x	
		5	Thôn Trần Phú	x	x	
		6	Thôn Át Thượng	x	x	
		7	Thôn Đồng Thanh	x	x	
		8	Thôn Cây Thị	x	x	
		9	Thôn Chính Quân	x	x	
		10	Thôn Làng Tàu	x	x	
		11	Thôn 2	x	x	
		12	Thôn 3	x	x	
		13	Thôn 4	x	x	
		14	Thôn 5	x	x	
		15	Thôn 6	x	x	
		16	Thôn 7	x	x	
		17	Thôn 8	x	x	
		18	Thôn 9	x	x	
		19	Thôn 10	x	x	
		20	Thôn 11	x	x	
		21	Thôn 12	x	x	
		22	Thôn 13	x	x	
		23	Thôn Nà Khả	x	x	
		24	Thôn Loong Tra	x	x	
		25	Thôn Tông Cùm	x	x	
		26	Thôn Trang Thành	x	x	
		27	Thôn Làng Thọc	x	x	
		28	Thôn Đồng Cáy	x	x	
		29	Thôn Nà Khao	x	x	
		30	Thôn Làng Pha	x	x	
		31	Thôn Thâm Pông	x	x	
		32	Thôn Làng Già	x	x	
34	Xã Tân Lĩnh		20	20	20	9
		1	Thôn Xiêng	x	x	x
		2	Thôn Năn Kề	x	x	x
		3	Thôn Phở Hốc	x	x	x
		4	Thôn Tân Lập	x	x	x
		5	Thôn Trần Phú	x	x	x
		6	Thôn Làng Xăng	x	x	x
		7	Thôn Khai Trung	x	x	x
		8	Thôn Minh Chuẩn	x	x	
		9	Thôn Thống Nhất	x	x	
		10	Thôn Phan Thanh	x	x	
		11	Thôn Khuân Thống	x	x	x
		12	Thôn Làng Khánh	x	x	x
		13	Thôn Úc	x	x	
		14	Thôn Ao Sen Lũng	x	x	
		15	Thôn Roong Chuông	x	x	
		16	Thôn Chuông Ính	x	x	
		17	Thôn Đồng Thanh	x	x	
		18	Thôn Cầu Vè	x	x	
		19	Thôn Phong Tân	x	x	
		20	Thôn Trung Tâm	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
35	Xã Khánh Hòa		20	20	20	7
		1	Thôn Đồng Cò	x	x	x
		2	Thôn Thâm lương	x	x	
		3	Thôn Đồng sát	x	x	x
		4	Thôn Hồng Quang	x	x	
		5	Thôn Nà Trú	x	x	x
		6	Thôn Đồng tâm	x	x	x
		7	Thôn Làng Thêm	x	x	x
		8	Thôn Khe Chung	x	x	
		9	Thôn Làng Chạp	x	x	
		10	Thôn Khe Pẩn	x	x	x
		11	Thôn Làng Nộc	x	x	
		12	Thôn Làng Chã	x	x	
		13	Thôn Quyết Thắng	x	x	
		14	Thôn Làng Mường	x	x	
		15	Thôn Trung Tâm	x	x	
		16	Thôn Ngòi Thắm	x	x	
		17	Thôn Tát Diêu	x	x	
		18	Thôn Cửa Hốc	x	x	
		19	Thôn Làng Đung	x	x	x
		20	Thôn Làng Hốc	x	x	
36	Xã Phúc Lợi		17	17	17	9
		1	Thôn Bản Chang	x	x	
		2	Thôn Bản Riêng	x	x	
		3	Thôn Khe Hùm	x	x	x
		4	Thôn 2 Túc	x	x	x
		5	Thôn 3 Vản	x	x	x
		6	Thôn 2 Thuồng	x	x	x
		7	Thôn 3 Thuồng	x	x	x
		8	Thôn Sài Lớn	x	x	x
		9	Thôn Làng Thùi	x	x	
		10	Thôn 1 Vản	x	x	x
		11	Thôn 2 Vản	x	x	
		12	Thôn Khe Sài	x	x	
		13	Thôn Góc Sâm	x	x	x
		14	Thôn Nà Hiên	x	x	
		15	Thôn Bản Lạn	x	x	
		16	Thôn Trung Tâm	x	x	
		17	Thôn 1 Túc	x	x	x
37	Xã Mường Lai		28	28	15	0
		1	Thôn Nà Ngảm	x	x	
		2	Thôn Trung Tâm	x		
		3	Thôn Đồng Thành	x		
		4	Thôn Minh Tiến	x		
		5	Thôn Khau Phá	x	x	
		6	Thôn Trung Thành	x		
		7	Thôn Khau Dự	x	x	
		8	Thôn Từ Hiếu	x	x	
		9	Thôn Nà Nhàn	x		
		10	Thôn Vĩnh Lạc	x		
		11	Thôn Thâm Nim	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		12	Thôn Cổ Vần	x		
		13	Thôn Vân	x		
		14	Thôn Nà Bái	x		
		15	Thôn Nà Quành	x		
		16	Thôn Thâm Bưa	x		
		17	Thôn An Phú	x	x	
		18	Thôn Đồng Dân	x	x	
		19	Thôn Khau Ca	x	x	
		20	Thôn Mỏ Cao	x	x	
		21	Thôn Nà Lại	x	x	
		22	Thôn Khau Sén	x	x	
		23	Thôn Cao Khánh	x	x	
		24	Thôn Khau Nghiêm	x	x	
		25	Thôn Làng Sảo	x		
		26	Thôn Yên Phú	x		
		27	Thôn Bến Muồm	x	x	
		28	Thôn Pù Thạo	x	x	
38	Xã Cẩm Nhân		22	22	21	10
		1	Thôn Phạ	x		
		2	Thôn 10	x	x	
		3	Thôn Làng Lạnh	x	x	
		4	Thôn Mỏ Quan	x	x	
		5	Thôn Nà Ta	x	x	x
		6	Thôn Bình An	x	x	
		7	Thôn Ngòi Lăn	x	x	x
		8	Thôn Phú Cường	x	x	x
		9	Thôn Quyết Thắng 1	x	x	x
		10	Thôn Làng Dự	x	x	
		11	Thôn Quyết thắng 2	x	x	x
		12	Thôn Làng Hùng	x	x	
		13	Thôn Tích Chung	x	x	
		14	Thôn Ngòi Quán	x	x	x
		15	Thôn Kéo Sa	x	x	
		16	Thôn Ngòi Sừu	x	x	
		17	Thôn Làng Rẫy	x	x	x
		18	Thôn Thái Y	x	x	x
		19	Thôn Nà Đình	x	x	
		20	Thôn Nà Ké	x	x	
		21	Thôn Suối Hóc	x	x	x
		22	Thôn Ngòi Sọng	x	x	x
39	Xã Yên Thành		19	19	19	9
		1	Thôn Khe Cạn	x	x	x
		2	Thôn 1 Làng Nồi	x	x	
		3	Thôn 2 Làng Na	x	x	x
		4	Thôn Phú Mỹ	x	x	x
		5	Thôn Đồng Tâm	x	x	
		6	Thôn Cà Lô	x	x	
		7	Thôn Xuân Lai	x	x	
		8	Thôn Cây Mơ	x	x	
		9	Thôn Cây Tre	x	x	x
		10	Thôn Ngòi Di	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		11	Thôn Trung Tâm	x	x	
		12	Thôn Khe Ngang	x	x	x
		13	Thôn Cối Máy	x	x	x
		14	Thôn Máy Dựng	x	x	x
		15	Thôn Khuân Đất	x	x	
		16	Thôn Làng Cai	x	x	x
		17	Thôn Đồng Tha	x	x	
		18	Thôn Đồng Tâm 1	x	x	
		19	Thôn Đồng Tý	x	x	x
40	Xã Thác Bà		27	14	27	4
		1	Thôn Khả Lĩnh		x	
		2	Thôn Đại Minh		x	
		3	Thôn Đại Thân		x	
		4	Thôn Phúc Hòa		x	
		5	Thôn Lạng Bạc		x	
		6	Thôn Hồng Văn		x	
		7	Thôn Hán Đà		x	
		8	Thôn Yên Bình		x	
		9	Thôn Trung Tâm	x	x	
		10	Thôn Linh Môn	x	x	
		11	Thôn Minh Bảo		x	
		12	Thôn Thác Ông	x	x	
		13	Thôn Mạ	x	x	
		14	Thôn Đồng Chùa	x	x	x
		15	Thôn Chanh Yên	x	x	x
		16	Thôn Vĩnh Kiên	x	x	
		17	Thôn Bạch Hà	x	x	
		18	Thôn Hàm Rồng	x	x	x
		19	Thôn Hồ Sen	x	x	
		20	Thôn Vũ Linh	x	x	
		21	Thôn Đá Trắng	x	x	x
		22	Thôn Ngòi Tu	x	x	
		23	Thôn Làng Quyên	x	x	
		24	Thôn An Lạc		x	
		25	Thôn Thác Bà 1		x	
		26	Thôn Thác Bà 2		x	
		27	Thôn Thác Bà 3		x	
41	Xã Yên Bình		8	8	0	0
		1	Thôn Hương Giang	x		
		2	Thôn Khe Mạ	x		
		3	Thôn Yên Thắng	x		
		4	Thôn Tân Bình	x		
		5	Thôn Loạn Thượng	x		
		6	Thôn Ngòi Vồ	x		
		7	Thôn 5	x		
		8	Thôn 7	x		
42	Xã Bảo Ái		14	14	5	0
		1	Thôn Tân Tiên	x		
		2	Thôn Đoàn Kết	x		
		3	Thôn Tân Thành	x		
		4	Thôn Tân Phong	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		5	Thôn Tiến Minh	x		
		6	Thôn Đông Ké	x	x	
		7	Thôn Khe Cọ	x	x	
		8	Thôn Tân Lập	x		
		9	Thôn Ngòi Bang	x		
		10	Thôn Ngòi Mây	x		
		11	Thôn Ngòi Khang	x		
		12	Thôn Làng Giữa	x		
		13	Thôn Ngòi Nhầu	x	x	
		14	Thôn Ngòi Ngàn	x	x	
43	Phường Yên Bái		11	0	11	0
		1	TDP Đồng Tâm 4		x	
		2	TDP Đồng Tâm 5		x	
		3	TDP Đồng Tâm 9		x	
		4	TDP Đồng Tâm 10		x	
		5	TDP Minh Tân 2		x	
		6	TDP Minh Tân 3		x	
		7	TDP Minh Tân 4		x	
		8	TDP Minh Tân 5		x	
		9	TDP Minh Tân 6		x	
		10	TDP Minh Tân 7		x	
		11	TDP Yên Ninh 7		x	
44	Xã Trấn Yên		21	10	21	0
		1	Thôn Việt Thành 1		x	
		2	Thôn Việt Thành 2		x	
		3	Thôn Việt Thành 3		x	
		4	Thôn Đào Thịnh 1	x	x	
		5	Thôn Đào Thịnh 2		x	
		6	Thôn Đào Thịnh 3	x	x	
		7	Thôn Đào Thịnh 4		x	
		8	Thôn Báo Đáp 1		x	
		9	Thôn Báo Đáp 2		x	
		10	Thôn Báo Đáp 3	x	x	
		11	Thôn Tân Đồng 1	x	x	
		12	Thôn Tân Đồng 2	x	x	
		13	Thôn Tân Đồng 3	x	x	
		14	Thôn Tân Đồng 4	x	x	
		15	Thôn Hòa Cường 1	x	x	
		16	Thôn Hòa Cường 2	x	x	
		17	Thôn Hòa Cường 3		x	
		18	Thôn Minh Quán 1		x	
		19	Thôn Minh Quán 2		x	
		20	Thôn Minh Quán 3		x	
		21	Thôn Minh Quán 4	x	x	
45	Xã Hưng Khánh		14	14	14	2
		1	Thôn Khe Ron	x	x	x
		2	Thôn Hồng Lâu	x	x	x
		3	Thôn Khe Ngang	x	x	
		4	Thôn Núi Vi	x	x	
		5	Thôn Lương An	x	x	
		6	Thôn Ngọn Đồng	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		7	Thôn Khe Cam	x	x	
		8	Thôn Khe Năm	x	x	
		9	Thôn Hồng Hải	x	x	
		10	Thôn Bản Cọ	x	x	
		11	Thôn Hồng Ca	x	x	
		12	Thôn Bản Khun	x	x	
		13	Thôn Liên Hợp	x	x	
		14	Thôn Tĩnh Hưng	x	x	
46	Xã Lương Thịnh		11	8	4	0
		1	Thôn Yên Thịnh		x	
		2	Thôn Yên Định		x	
		3	Thôn Khang Chính	x		
		4	Thôn Yên Thành	x	x	
		5	Thôn Quang Vinh	x		
		6	Thôn Đồng Bằng	x		
		7	Thôn Khe Lụa	x		
		8	Thôn Lương Thiện	x		
		9	Thôn Đồng Hào	x		
		10	Thôn Liên Thịnh	x		
		11	Thôn Phương Đạo		x	
47	Xã Việt Hồng		12	12	6	0
		1	Thôn Vân Hội 1	x		
		2	Thôn Vân Hội 2	x		
		3	Thôn Việt Cường 1	x		
		4	Thôn Việt Cường 2	x		
		5	Thôn Việt Cường 3	x		
		6	Thôn Việt Cường 4	x		
		7	Thôn Việt Cường 5	x	x	
		8	Thôn Việt Cường 6	x	x	
		9	Bản Nả	x	x	
		10	Bản Vân	x	x	
		11	Bản Phạ	x	x	
		12	Bản Chao	x	x	
48	Xã Quy Mông		14	11	14	0
		1	Thôn Y Can		x	
		2	Thôn Hạnh Phúc		x	
		3	Thôn Minh An	x	x	
		4	Thôn Minh Tiến		x	
		5	Thôn Kiên Thành	x	x	
		6	Thôn Kiên Lao	x	x	
		7	Thôn Khe Rộng	x	x	
		8	Thôn Thịnh Bình	x	x	
		9	Thôn Thịnh Vượng	x	x	
		10	Thôn Hợp Thành	x	x	
		11	Thôn Tân Thịnh	x	x	
		12	Thôn Tân Việt	x	x	
		13	Thôn Đồng Song	x	x	
		14	Thôn Đồng Cát	x	x	
49	Xã Si Ma Cai		27	27	27	25
		1	Thôn Cốc Phà	x	x	x
		2	Thôn Hòa Bình	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		3	Thôn Seo Khái Hóa	x	x	x
		4	Thôn Lao Chải	x	x	x
		5	Thôn Tả Cán Hồ	x	x	x
		6	Thôn Seo Cán Hồ	x	x	x
		7	Thôn Mản Thần	x	x	x
		8	Thôn Ngã Ba	x	x	x
		9	Thôn Chu Liền Chải	x	x	x
		10	Thôn Quan Thần Sán	x	x	x
		11	Thôn Sừ Pà Phìn	x	x	x
		12	Thôn Phố Thầu	x	x	x
		13	Thôn Phố Mới	x	x	x
		14	Thôn Gia Khâu	x	x	x
		15	Thôn Nàng Càng	x	x	x
		16	Thôn Tả Chải	x	x	x
		17	Thôn Nàn Vải	x	x	x
		18	Thôn Hóa Chư Phùng	x	x	x
		19	Thôn Cán Chư Sừ	x	x	x
		20	Thôn Cán Cầu	x	x	x
		21	Thôn Sín Hồ Sán	x	x	x
		22	Thôn Lù Di Sán	x	x	x
		23	Thôn Phố Cũ	x	x	
		24	Thôn Hang Ròng	x	x	
		25	Thôn Hoàng Thu Phố	x	x	x
		26	Thôn Sáng Chải	x	x	x
		27	Thôn Đào Dân Sán	x	x	x
50	Xã Sín Chéng		16	16	16	16
		1	Thôn Mào Sao Phìn	x	x	x
		2	Thôn Bản Kha	x	x	x
		3	Thôn Na Pá	x	x	x
		4	Thôn Bản Mế	x	x	x
		5	Thôn Nàn Sín	x	x	x
		6	Thôn Mào Sao Chải	x	x	x
		7	Thôn Sán Chủng	x	x	x
		8	Thôn Sán Sín Pao	x	x	x
		9	Thôn Ngải Phóng Chồ	x	x	x
		10	Thôn Cốc Rế	x	x	x
		11	Thôn Thảo Chư Phìn	x	x	x
		12	Thôn Sán Chá	x	x	x
		13	Thôn Cầu Pì Chải	x	x	x
		14	Thôn Hồ Sáo Chải	x	x	x
		15	Thôn Phìn Chư	x	x	x
		16	Thôn Phìn Chư 3	x	x	x
51	Xã Bắc Hà		25	25	25	15
		1	Thôn Bắc Hà	x	x	
		2	Thôn Nậm Sắt	x	x	
		3	Thôn Na Quang	x	x	
		4	Thôn Na Kim	x	x	
		5	Thôn Tả Chải	x	x	
		6	Thôn Na Khèo	x	x	
		7	Thôn Na Áng	x	x	
		8	Thôn Na Hối	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		9	Thôn Chiu Cái	x	x	x
		10	Thôn Dì Thàng	x	x	x
		11	Thôn Cồ Dề Chải	x	x	x
		12	Thôn Cốc Cài	x	x	x
		13	Thôn Nậm Mòn	x	x	x
		14	Thôn Hoàng Thu Phố	x	x	x
		15	Thôn Sín Giáo Ngải	x	x	x
		16	Thôn Bản Páy	x	x	x
		17	Thôn Sân Bay	x	x	x
		18	Thôn Nậm Thố	x	x	x
		19	Thôn Thái Giàng Phố	x	x	x
		20	Thôn Sản Chư Ván	x	x	x
		21	Thôn Bản Phố 2	x	x	x
		22	Thôn Quán Dín Ngải	x	x	x
		23	Thôn Bản Phố 1	x	x	x
		24	Thôn Nà Lo	x	x	
		25	Thôn Phéc Bùng	x	x	
52	Xã Cốc Lầu		11	11	11	11
		1	Thôn Hà Tiên	x	x	x
		2	Thôn Làng Chàng	x	x	x
		3	Thôn Nậm Lòn	x	x	x
		4	Thôn Cốc Lầu	x	x	x
		5	Thôn Nậm Kha	x	x	x
		6	Thôn Thái Giàng	x	x	x
		7	Thôn Nậm Lúc	x	x	x
		8	Thôn Nậm Nhù	x	x	x
		9	Thôn Nậm Tông	x	x	x
		10	Thôn Ma Sín Chải	x	x	x
		11	Thôn Bản Cái	x	x	x
53	Xã Bảo Nhai		17	17	17	16
		1	Thôn Làng Mới	x	x	x
		2	Thôn Nậm Hán	x	x	x
		3	Thôn Cốc Sâm	x	x	x
		4	Thôn Nậm Đét	x	x	x
		5	Thôn Tổng Hạ	x	x	x
		6	Thôn Phìn Giàng	x	x	x
		7	Thôn Cốc Ly	x	x	x
		8	Thôn Lùng Xa	x	x	x
		9	Thôn Bản Mẹt	x	x	x
		10	Thôn Bảo Tân	x	x	
		11	Thôn Nậm Khấp	x	x	x
		12	Thôn Khởi Xá	x	x	x
		13	Thôn Tổng Thượng	x	x	x
		14	Thôn Bảo Nhai	x	x	x
		15	Thôn Nậm Trì	x	x	x
		16	Thôn Trung Đô	x	x	x
		17	Thôn Bản Lấp	x	x	x
54	Xã Bản Liền		4	4	4	4
		1	Thôn Bản Liền	x	x	x
		2	Thôn Đội 3	x	x	x
		3	Thôn Khu Chu Tùng	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		4	Thôn Nậm Khánh	x	x	x
55	Xã Tả Củ Tỷ		7	7	7	7
		1	Thôn Sông Lằm	x	x	x
		2	Thôn Tả Củ Tỷ	x	x	x
		3	Thôn Nậm Sỏm	x	x	x
		4	Thôn Bản Già	x	x	x
		5	Thôn Hoàng Trù Ván	x	x	x
		6	Thôn Cờ Cải	x	x	x
		7	Thôn Lùng Cải	x	x	x
56	Xã Lùng Phình		12	12	12	12
		1	Thôn Lử Thần	x	x	x
		2	Thôn Lênh Sui Thàng	x	x	x
		3	Thôn Nà Chí Phàng	x	x	x
		4	Thôn Pờ Chồ	x	x	x
		5	Thôn Tần Chư	x	x	x
		6	Thôn Tả Van Chư	x	x	x
		7	Thôn Lả Dì Thàng	x	x	x
		8	Thôn Seng Sui	x	x	x
		9	Thôn Lùng Sán	x	x	x
		10	Thôn Lùng Phình	x	x	x
		11	Thôn Pả Chư Tỷ	x	x	x
		12	Thôn Lầu Thí Ngải	x	x	x
57	Xã Mường Khương		28	28	28	23
		1	Thôn Xóm Mới	x	x	
		2	Thôn Phố Cũ	x	x	
		3	Thôn Lao Chải - Mường	x	x	x
		4	Thôn Sảng Chải	x	x	
		5	Thôn Na Đầy	x	x	x
		6	Thôn Thính Chéng	x	x	x
		7	Thôn Sín Hồ	x	x	x
		8	Thôn Tả Thên A	x	x	x
		9	Thôn Tả Thên	x	x	x
		10	Thôn Ngam Lâm	x	x	x
		11	Thôn Pạc Ngam	x	x	x
		12	Thôn Văng Leng	x	x	x
		13	Thôn Vả Thàng	x	x	x
		14	Thôn Sáo Tùng	x	x	x
		15	Thôn Páo Tùng	x	x	x
		16	Thôn Gia Khâu B	x	x	x
		17	Thôn Sín Chải - Nậm Chảy	x	x	x
		18	Thôn Cốc Râm	x	x	x
		19	Thôn Lao Chải - Nậm Chảy	x	x	x
		20	Thôn Sao Cô Sín	x	x	x
		21	Thôn Mã Tuyển	x	x	
		22	Thôn Tả Chu Phùng	x	x	x
		23	Thôn Na Bủ - Hàm Rồng	x	x	
		24	Thôn Dê Chú Thàng	x	x	x
		25	Thôn Sa Pả	x	x	x
		26	Thôn Sả Hồ	x	x	x
		27	Thôn Chúng Chải B	x	x	x
		28	Thôn Choán Ván	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
58	Xã Pha Long		16	16	16	16
		1	Thôn Sừ Ma Tùng	x	x	x
		2	Thôn Sín Chải	x	x	x
		3	Thôn Tả Ngải Chồ	x	x	x
		4	Thôn Pha Long	x	x	x
		5	Thôn Lò Cỗ Chìn	x	x	x
		6	Thôn Nì Sỉ	x	x	x
		7	Thôn Pao Pao Chải	x	x	x
		8	Thôn Cốc Cáng	x	x	x
		9	Thôn Lò Sừ Thàng	x	x	x
		10	Thôn Dìn Chìn	x	x	x
		11	Thôn Lùng Sán Chồ	x	x	x
		12	Thôn Pạc Tà	x	x	x
		13	Thôn Phìn Chư	x	x	x
		14	Thôn Tả Gia Khâu	x	x	x
		15	Thôn Vũ Sà	x	x	x
		16	Thôn Bản Phố	x	x	x
59	Xã Bản Lầu		25	23	25	16
		1	Thôn Na Nhung	x	x	x
		2	Thôn Suối Thầu	x	x	x
		3	Thôn Cốc Cái	x	x	x
		4	Thôn Cốc Phương	x	x	x
		5	Thôn Na Lốc	x	x	x
		6	Thôn Pạc Bo	x	x	x
		7	Thôn Đồng Cắm	x	x	x
		8	Thôn Na Lang	x	x	x
		9	Thôn Lùng Vai	x	x	x
		10	Thôn Tảo Giàng	x	x	x
		11	Thôn Trung Tâm	x	x	
		12	Thôn Na Mạ 1	x	x	
		13	Thôn Na Mạ 2	x	x	x
		14	Thôn Cốc Chứ	x	x	x
		15	Thôn Bản Sen	x	x	
		16	Thôn Na Hạ	x	x	x
		17	Thôn Na Nối	x	x	x
		18	Thôn Na Phả		x	
		19	Thôn Na Vai	x	x	x
		20	Thôn Chợ Chậu	x	x	
		21	Thôn Na Pao	x	x	
		22	Thôn Phảng Tao	x	x	
		23	Thôn Na Lin	x	x	
		24	Thôn Cốc Lầy	x	x	x
		25	Thôn Bản Lầu		x	
60	Xã Cao Sơn		16	16	16	16
		1	Thôn Nậm Đó	x	x	x
		2	Thôn Na Cạp	x	x	x
		3	Thôn Lùng Khẩu Nhìn	x	x	x
		4	Thôn Ma Ngán	x	x	x
		5	Thôn Ngải Phóng Chồ	x	x	x
		6	Thôn Pa Cheo Phìn	x	x	x
		7	Thôn Cao Sơn	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		8	Thôn Lùng Chéng	x	x	x
		9	Thôn Bãi Bằng	x	x	x
		10	Thôn La Pan Tẩn	x	x	x
		11	Thôn Mường Lum	x	x	x
		12	Thôn Sín Chải	x	x	x
		13	Thôn Sà San	x	x	x
		14	Thôn Tả Thàng	x	x	x
		15	Thôn Páo Máo Phìn	x	x	x
		16	Thôn Cán Cầu	x	x	x
61	Xã Bát Xát		22	22	9	7
		1	Thôn Phìn Ngan	x	x	x
		2	Thôn Láo Sáng	x	x	x
		3	Thôn Láo Vàng	x	x	x
		4	Thôn Suối Chải	x	x	x
		5	Thôn Làng Păn	x		
		6	Thôn Quang Kim	x		
		7	Thôn Làng Kim	x		
		8	Thôn Làng Toòng	x	x	
		9	Thôn An Quang	x		
		10	Thôn Bát Xát 1	x		
		11	Thôn Bản Năng	x		
		12	Thôn Bản Vai	x		
		13	Thôn Bản Vền	x		
		14	Thôn Tả Ngảo	x	x	x
		15	Thôn Sơn Hà	x	x	x
		16	Thôn Bản Vược 1	x		
		17	Thôn Bản Vược 2	x		
		18	Thôn Bản Trung	x		
		19	Thôn Bát Xát 5	x		
		20	Thôn Bản Qua	x		
		21	Thôn San Lùng	x	x	x
		22	Thôn San Bang	x	x	
62	Xã Mường Hum		8	8	8	7
		1	Thôn Piềng Láo	x	x	x
		2	Thôn San Hồ	x	x	x
		3	Thôn Trung Lèng Hồ	x	x	x
		4	Thôn Pờ Hồ	x	x	x
		5	Thôn Tả Lé	x	x	x
		6	Thôn Nậm Pung	x	x	x
		7	Thôn Kín Chu Phìn	x	x	x
		8	Thôn Mường Hum	x	x	
63	Xã Dền Sáng		11	11	11	11
		1	Thôn Mả Mù Sừ	x	x	x
		2	Thôn Kỵ Quan san	x	x	x
		3	Thôn Sàng Ma Sáo	x	x	x
		4	Thôn Nậm Giàng	x	x	x
		5	Thôn Dền Sáng	x	x	x
		6	Thôn Bản Phố	x	x	x
		7	Thôn Dền Thàng	x	x	x
		8	Thôn Khu Chu Phìn	x	x	x
		9	Thôn Nhiêu Cù San	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		10	Thôn Tả Phìn	x	x	x
		11	Thôn Ngải Thầu	x	x	x
64	Xã Y Tý		10	10	10	10
		1	Thôn Phìn Hồ	x	x	x
		2	Thôn Mò Phú Chải	x	x	x
		3	Thôn Choản Thèn	x	x	x
		4	Thôn Lao Chải	x	x	x
		5	Thôn Sim San	x	x	x
		6	Thôn Tả Suối Câu	x	x	x
		7	Thôn A Lù	x	x	x
		8	Thôn Sáo Phìn Chư	x	x	x
		9	Thôn Phìn Chải	x	x	x
		10	Thôn Ngải Thầu	x	x	x
65	Xã A Mú Sung		8	8	8	8
		1	Thôn Ngải Trồ	x	x	x
		2	Thôn Phủ Lao Chải	x	x	x
		3	Thôn Tung Qua	x	x	x
		4	Thôn Lũng Pô	x	x	x
		5	Thôn Biên Hoà	x	x	x
		6	Thôn Nậm Giang	x	x	x
		7	Thôn Nậm Khoang	x	x	x
		8	Thôn Suối Thầu	x	x	x
66	Xã Trịnh Tường		16	16	16	12
		1	Thôn Tân Tiến	x	x	
		2	Thôn Phố Mới 1	x	x	
		3	Thôn Bản Trung	x	x	x
		4	Thôn Bản Lầu	x	x	x
		5	Thôn San Hồ	x	x	x
		6	Thôn Lao Chải	x	x	x
		7	Thôn Tùng Chín	x	x	x
		8	Thôn Phìn Ngan	x	x	x
		9	Thôn Ná Lũng	x	x	
		10	Thôn Tân Giang	x	x	x
		11	Thôn Bản Trang	x	x	x
		12	Thôn Vĩ Kẽm	x	x	x
		13	Thôn Tả Suối Câu	x	x	x
		14	Thôn Tân Long	x	x	x
		15	Thôn Phố Mới 2	x	x	
		16	Thôn Nậm Chỏn	x	x	x
67	Xã Bản Xèo		10	10	10	10
		1	Thôn Lâm Tiến	x	x	x
		2	Thôn Mường Vi	x	x	x
		3	Thôn San Lũng	x	x	x
		4	Thôn Kín Sáng Hồ	x	x	x
		5	Thôn Pa Cheo	x	x	x
		6	Thôn Ná Rìn	x	x	x
		7	Thôn Thành Sơn	x	x	x
		8	Thôn Pờ Sỉ Ngải	x	x	x
		9	Thôn Tả Lềng	x	x	x
		10	Thôn Bản Giàng	x	x	x
68	Phường Sa Pa		15	10	15	7

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		1	Tổ dân phố Cầu Mây	x	x	x
		2	Tổ dân phố Sa Pa		x	
		3	Tổ dân phố Phan Si Păng		x	
		4	Tổ dân phố Thác Bạc	x	x	
		5	Tổ dân phố Hàm Rồng		x	
		6	Tổ dân phố Vườn Đào		x	
		7	Tổ dân phố Hoàng Liên	x	x	
		8	Tổ dân phố Má Tra	x	x	x
		9	Tổ dân phố Sâu Chua	x	x	x
		10	Tổ dân phố Suối Hồ	x	x	x
		11	Tổ dân phố Sín Chải	x	x	x
		12	Tổ dân phố Ô Quý Hồ	x	x	
		13	Tổ dân phố Lao Chải	x	x	x
		14	Tổ dân phố Xuân Viên		x	
		15	Tổ dân phố Sa Pa	x	x	x
69	Xã Mường Bo		10	10	10	6
		1	Thôn Thanh Phú	x	x	x
		2	Thôn Sín Chải	x	x	x
		3	Thôn Suối Thầu Dao	x	x	x
		4	Thôn Nậm Sài	x	x	x
		5	Thôn Nậm Sang	x	x	x
		6	Thôn Nậm Lang	x	x	
		7	Thôn Nậm Ngán	x	x	
		8	Thôn Nậm Than	x	x	
		9	Thôn Nậm Cang	x	x	
		10	Thôn Suối Thầu Mông	x	x	x
70	Xã Bản Hồ		8	8	8	6
		1	Thôn Bản Lếch	x	x	x
		2	Thôn Bản Sái	x	x	x
		3	Thôn Bản Phùng	x	x	x
		4	Thôn Bản Dền	x	x	x
		5	Thôn Sáo Trung Hồ	x	x	x
		6	Thôn Tả Trung Hồ	x	x	
		7	Thôn Hoàng Liên	x	x	x
		8	Thôn Bản Kim	x	x	
71	Xã Tả Phìn		8	8	8	4
		1	Thôn Can Ngải	x	x	
		2	Thôn Suối Thầu	x	x	
		3	Thôn Sả Xéng	x	x	
		4	Thôn Móng Sến	x	x	x
		5	Thôn Vù Lùng Sung	x	x	x
		6	Thôn Giàng Tra	x	x	x
		7	Thôn Chu Lìn	x	x	
		8	Thôn Trung Chải	x	x	x
72	Xã Tả Van		14	14	14	12
		1	Thôn Hòa Sừ Pán	x	x	x
		2	Thôn Vạn Dền Sừ	x	x	x
		3	Thôn Giàng Tả Chải	x	x	x
		4	Thôn Bản Pho	x	x	x
		5	Thôn Hầu Chư Ngải	x	x	x
		6	Thôn Tả Van Giáy	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		7	Thôn Lao Chải	x	x	x
		8	Thôn Lao Chải San	x	x	x
		9	Thôn Ý Linh Hồ	x	x	x
		10	Thôn Tả Van Mông	x	x	
		11	Thôn Dền Thàng	x	x	x
		12	Thôn Sáo Mỹ Tỷ	x	x	x
		13	Thôn Cát Cát	x	x	x
		14	Thôn Đồi Dù	x	x	x
73	Xã Ngũ Chỉ Sơn		8	8	8	3
		1	Thôn Can Hồ	x	x	
		2	Thôn Bản Khoang	x	x	x
		3	Thôn Kim Ngan	x	x	x
		4	Thôn Móng Xóa	x	x	
		5	Thôn Tả Giàng Phìn	x	x	
		6	Thôn Ngũ Chỉ Sơn	x	x	
		7	Thôn Yên Sơn	x	x	x
		8	Thôn Sín Chải	x	x	
74	Xã Văn Bàn		23	23	23	11
		1	Thôn Ta Khuẩn	x	x	x
		2	Thôn Khe Chấn	x	x	x
		3	Thôn Khe Phàn	x	x	x
		4	Thôn Tam Đình	x	x	x
		5	Thôn Bản Noong	x	x	
		6	Thôn Yên Thành	x	x	
		7	Thôn Giàng	x	x	x
		8	Thôn An	x	x	x
		9	Thôn Nậm Bó	x	x	x
		10	Thôn Hòa Mạc	x	x	
		11	Thôn Làng Nôm	x	x	x
		12	Thôn Làng Chút	x	x	
		13	Thôn 6	x	x	
		14	Thôn 8	x	x	
		15	Thôn 9	x	x	
		16	Thôn Bản Coóc	x	x	
		17	Thôn Bản Mạ	x	x	
		18	Thôn Nà Trang	x	x	
		19	Thôn Nậm Cọ	x	x	x
		20	Thôn Ít Nộc	x	x	x
		21	Thôn Nà Bay	x	x	
		22	Thôn Văn Tiên	x	x	x
		23	Thôn Noong Dồn	x	x	
75	Xã Võ Lao		16	14	16	12
		1	Thôn Nậm Rạng	x	x	x
		2	Thôn Nậm Trang	x	x	x
		3	Thôn Lủ 1	x	x	x
		4	Thôn Lủ 2	x	x	x
		5	Thôn Chiềng 1	x	x	x
		6	Thôn Chiềng 2	x	x	
		7	Thôn Võ Lao	x	x	
		8	Thôn Ẻn	x	x	x
		9	Thôn Là	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		10	Thôn Bát	x	x	x
		11	Thôn Ngầu	x	x	x
		12	Thôn Vinh	x	x	x
		13	Thôn Văn Sơn		x	
		14	Thôn Tân Tiến		x	
		15	Thôn Xuân Tiến	x	x	x
		16	Thôn Nậm Lạn	x	x	x
76	Xã Khánh Yên		14	13	14	9
		1	Thôn Liêm Phú	x	x	
		2	Thôn Khôi Ngoa	x	x	
		3	Thôn Liêm	x	x	x
		4	Thôn Giăng	x	x	x
		5	Thôn Xuân Phát	x	x	x
		6	Thôn Láng	x	x	x
		7	Thôn Sung	x	x	
		8	Thôn Bô	x	x	x
		9	Thôn Độc Lập		x	
		10	Thôn Làn	x	x	
		11	Thôn Khánh Trung	x	x	x
		12	Thôn Ёn	x	x	x
		13	Thôn Nà Nheo	x	x	x
		14	Thôn Noong Khuẩn	x	x	x
77	Xã Dương Quỳ		13	13	13	9
		1	Thôn Nà Hạch	x	x	
		2	Thôn Bản Pầu	x	x	
		3	Thôn Trung Tâm	x	x	
		4	Thôn Thẩm Con	x	x	x
		5	Thôn Thẩm Dương	x	x	x
		6	Thôn Bản Khoay	x	x	x
		7	Thôn Khuân Đo	x	x	x
		8	Thôn Tông Pháy	x	x	
		9	Thôn Tùn Dưới	x	x	x
		10	Thôn Tùn Trên	x	x	x
		11	Thôn Nậm Hốc	x	x	x
		12	Thôn Bản Ngoang	x	x	x
		13	Thôn Nậm Miện	x	x	x
78	Xã Chiềng Ken		11	11	11	11
		1	Thôn Chiềng	x	x	x
		2	Thôn Ken	x	x	x
		3	Thôn Đồng Vệ	x	x	x
		4	Thôn Thi Phúng	x	x	x
		5	Thôn Hát Tình	x	x	x
		6	Thôn Bẻ	x	x	x
		7	Thôn Bẻ 1	x	x	x
		8	Thôn Vàng Mầu	x	x	x
		9	Thôn Nậm Tha	x	x	x
		10	Thôn Phường Cong	x	x	x
		11	Thôn Khe Păn	x	x	x
79	Xã Minh Lương		9	9	9	7
		1	Thôn Minh Thượng	x	x	x
		2	Thôn 1 Minh Hạ	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		3	Thôn 2 Minh Hạ	x	x	x
		4	Thôn 1 Minh Chiềng	x	x	
		5	Thôn 2 Minh Chiềng	x	x	
		6	Thôn Phù Lá Ngải	x	x	x
		7	Thôn Phiêng Đoóng	x	x	x
		8	Thôn Nậm Xây	x	x	x
		9	Thôn Mả Sa Phìn	x	x	x
80	Xã Nậm Chày		12	12	12	11
		1	Thôn Hòm Dưới	x	x	x
		2	Thôn Hòm Trên	x	x	x
		3	Thôn Nậm Chày	x	x	x
		4	Thôn Pờ Xi Ngải	x	x	x
		5	Thôn Lán Bò	x	x	x
		6	Thôn Khâm Dưới	x	x	x
		7	Thôn Khâm Trên	x	x	x
		8	Thôn Tà Mòng	x	x	x
		9	Thôn Nậm Tăm	x	x	
		10	Thôn Nậm Mươi	x	x	x
		11	Thôn Dân Thàng	x	x	x
		12	Thôn Nậm Cắn	x	x	x
81	Xã Nậm Xé		3	3	3	3
		1	Thôn Ta Náng	x	x	x
		2	Thôn Tu Hạ	x	x	x
		3	Thôn Tu Thượng	x	x	x
82	Xã Bảo Yên		20	20	20	7
		1	Thôn Là	x	x	x
		2	Thôn Vành	x	x	x
		3	Thôn Xuân Thượng	x	x	x
		4	Thôn Thâu	x	x	x
		5	Thôn Mạ	x	x	
		6	Thôn Múi	x	x	x
		7	Thôn Yên Sơn	x	x	
		8	Thôn Lương Hải	x	x	x
		9	Thôn Chiềng	x	x	
		10	Thôn Lương Sơn	x	x	
		11	Thôn Sài	x	x	x
		12	Thôn Sơn Viên	x	x	
		13	Thôn Hoa Ban	x	x	
		14	Thôn Phúc Khánh	x	x	
		15	Thôn Nghị Lang	x	x	
		16	Thôn Phố Ràng	x	x	
		17	Thôn Hạnh Phúc	x	x	
		18	Thôn Nông Trường	x	x	
		19	Thôn Hoa Quả	x	x	
		20	Thôn Soi Bầu	x	x	
83	Xã Nghĩa Đô		18	18	16	11
		1	Thôn Cán Chải	x	x	x
		2	Thôn Nậm Bắt	x	x	x
		3	Thôn Nậm Pẩu	x	x	x
		4	Thôn Tổng Kim	x	x	x
		5	Thôn Nậm Kỳ	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		6	Thôn Lăng Đáp	x	x	
		7	Thôn Nậm Hu	x	x	x
		8	Thôn Nà Phung	x	x	x
		9	Thôn Tân Tiên	x	x	x
		10	Thôn Nà Luông	x	x	x
		11	Thôn Nà Đình	x		
		12	Thôn Nà Khương	x	x	
		13	Thôn Mường Kem	x	x	
		14	Thôn Nậm Cầm	x	x	
		15	Thôn Bản Đon	x	x	x
		16	Thôn Khuổi Vèng	x	x	
		17	Thôn Vĩnh Yên	x		
		18	Thôn Nậm Mược	x	x	x
84	Xã Thượng Hà		14	14	14	9
		1	Thôn Mai	x	x	
		2	Thôn Minh Tân	x	x	
		3	Thôn Bon	x	x	
		4	Thôn 1 Vải Siêu	x	x	x
		5	Thôn 2 Vải Siêu	x	x	x
		6	Thôn 3 Vải Siêu	x	x	
		7	Thôn 4 Vải Siêu	x	x	x
		8	Thôn 1 Mai Đào	x	x	
		9	Thôn 2 Mai Đào	x	x	x
		10	Thôn 3 Mai Đào	x	x	x
		11	Thôn Cốc Nghè	x	x	x
		12	Thôn Điện Quan	x	x	x
		13	Thôn Khao	x	x	x
		14	Thôn Điện	x	x	x
85	Xã Xuân Hòa		14	14	14	13
		1	Bản Sắc Phạ	x	x	x
		2	Bản Tân Dương	x	x	
		3	Bản Bắc Cuông	x	x	x
		4	Bản Qua	x	x	x
		5	Bản Dầm	x	x	x
		6	Bản Chuân	x	x	x
		7	Bản Mai Hạ	x	x	x
		8	Bản Mai Thượng	x	x	x
		9	Bản Xóm Thượng	x	x	x
		10	Bản Nhảm	x	x	x
		11	Bản Mo	x	x	x
		12	Bản Kẹm	x	x	x
		13	Bản Lụ	x	x	x
		14	Bản Dao	x	x	x
86	Xã Phúc Khánh		11	11	11	7
		1	Thôn Làng Nữ	x	x	x
		2	Thôn Trĩ Trong	x	x	x
		3	Thôn Trĩ Ngoài	x	x	x
		4	Thôn Long Khánh	x	x	x
		5	Thôn Cầu Cóc	x	x	
		6	Thôn Long Phúc	x	x	
		7	Thôn Bó	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		8	Thôn Đầm Rụng	x	x	x
		9	Thôn Việt Tiến	x	x	
		10	Thôn Già Thượng	x	x	x
		11	Thôn Già Hạ	x	x	
97	Xã Bảo Hà		35	33	31	15
		1	Thôn Liên Hà 5	x		
		2	Thôn An Khánh		x	
		3	Thôn Hồng Bùn	x	x	
		4	Thôn Hồng Sơn	x	x	
		5	Thôn Tấp 1	x	x	x
		6	Thôn Tấp 2	x	x	
		7	Thôn Khoai	x	x	x
		8	Thôn Bông	x	x	x
		9	Thôn Hồng Cam	x	x	
		10	Thôn Cam Cọn 2	x	x	
		11	Thôn Cam Cọn 1	x	x	
		12	Thôn Tân Thành	x	x	x
		13	Thôn Thông Nhất	x		x
		14	Thôn Cao Sơn	x	x	
		15	Thôn 3 AB	x	x	
		16	Thôn 7 AB	x	x	
		17	Thôn Kim Sơn	x	x	
		18	Thôn Kim Quang	x		
		19	Thôn Tân Vãn	x	x	
		20	Thôn Bảo Ân		x	
		21	Thôn Nhai Tẻn	x	x	x
		22	Thôn 2 Nhai Thổ	x	x	x
		23	Thôn 3 Nhai Thổ	x	x	x
		24	Thôn Tân An	x		
		25	Thôn Tân Sơn	x	x	
		26	Thôn Mai Hồng	x	x	x
		27	Thôn Hồng Sang	x	x	x
		28	Thôn Mai Ủ	x	x	x
		29	Thôn Khe Dài	x	x	x
		30	Thôn Tân Thượng	x	x	x
		31	Thôn Ngâm Thín	x	x	
		32	Thôn Thùng	x	x	x
		33	Thôn Lúc	x	x	x
		34	Thôn Khe Bàn	x	x	
		35	Thôn Cam l	x	x	
88	Xã Bảo Thắng		18	15	17	2
		1	Thôn Làng Chung	x	x	
		2	Thôn Khe Mụ	x	x	
		3	Thôn An Thắng	x	x	
		4	Thôn Sơn Hải	x	x	
		5	Thôn Đồng Tâm	x		
		6	Thôn Phú Long		x	
		7	Thôn Phú Thịnh		x	
		8	Thôn Tân Thành	x	x	
		9	Thôn Cường Thịnh		x	
		10	Thôn Làng Giàng	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		11	Thôn Múc	x	x	
		12	Thôn Thái Niên	x	x	
		13	Thôn Lướt	x	x	
		14	Thôn Quyết Tâm	x	x	
		15	Thôn Khe Đèn	x	x	x
		16	Thôn Đo Ngoài	x	x	
		17	Thôn Mom Đào	x	x	x
		18	Thôn Hải Niên	x	x	
89	Xã Phong Hải		16	16	9	8
		1	Thôn 1	x		
		2	Thôn Bản Lọt	x		
		3	Thôn Quy Ke	x	x	x
		4	Thôn 3	x		
		5	Thôn Ai Đông	x	x	
		6	Thôn Nậm Chủ	x		
		7	Thôn Nậm Choỏng	x		
		8	Thôn Bản Cầm	x	x	x
		9	Thôn Nậm Tang	x	x	
		10	Thôn Tiên Phong	x		x
		11	Thôn Tòng Giã	x		x
		12	Thôn Sín Thèn	x	x	x
		13	Thôn Ai Nam	x	x	x
		14	Thôn Vi Mã	x	x	x
		15	Thôn Sín Chải	x	x	x
		16	Thôn Khởi Khe	x	x	
90	Xã Xuân Quang		24	19	24	3
		1	Thôn Cốc Toòng	x	x	
		2	Thôn Phìn Giàng	x	x	x
		3	Thôn Thái Vô		x	
		4	Thôn Làng Lân	x	x	
		5	Thôn Làng My	x	x	
		6	Thôn Làng Bông		x	
		7	Thôn Làng Bạc	x	x	
		8	Thôn Làng Gạo	x	x	
		9	Thôn Bắc Ngâm		x	
		10	Thôn Tân Quang	x	x	
		11	Thôn Trang Nùng	x	x	
		12	Thôn Nậm Dù	x	x	
		13	Thôn Cốc Pục	x	x	x
		14	Thôn Thái Hà		x	
		15	Thôn Tân Phong	x	x	
		16	Thôn Phong Niên	x	x	
		17	Thôn An Hồ		x	
		18	Thôn Cán Hồ	x	x	x
		19	Thôn Làng Cung	x	x	
		20	Thôn Làng Có	x	x	
		21	Thôn Nhò Trong	x	x	
		22	Thôn Trì Quang	x	x	
		23	Thôn Quang Lập	x	x	
		24	Thôn Làng Mạ	x	x	
91	Xã Tăng Loỏng		11	10	11	1

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		1	Thôn Trát	x	x	x
		2	Thôn Làng Đền	x	x	
		3	Thôn Phú Thịnh	x	x	
		4	Thôn Nhuần 1	x	x	
		5	Thôn Nhuần 2	x	x	
		6	Thôn Đầu Nhuần	x	x	
		7	Thôn Hà Hợp		x	
		8	Thôn Đoàn Kết	x	x	
		9	Thôn Trung Tâm	x	x	
		10	Thôn Tân Lập	x	x	
		11	Thôn Đầu Cọ	x	x	
92	Xã Gia Phú		19	19	10	2
		1	Thôn Bến Phà	x		
		2	Thôn Phú Xuân	x		
		3	Thôn Tả Thàng	x		
		4	Thôn Nậm Phàng	x	x	x
		5	Thôn Nậm Trà	x	x	x
		6	Thôn Tân Lợi	x	x	
		7	Thôn Giao Bình	x	x	
		8	Thôn Tân Tiến	x		
		9	Thôn Hùng Thắng	x		
		10	Thôn Xuân Lý	x		
		11	Thôn Đồng Lục	x		
		12	Thôn Cù Hà	x	x	
		13	Thôn Mường	x		
		14	Thôn Phèo	x		
		15	Thôn Vàng	x	x	
		16	Thôn Tiến Cường	x	x	
		17	Thôn Chang	x	x	
		18	Thôn An Thành	x	x	
		19	Thôn Mường Bát	x	x	
93	Phường Cam Đường		12	12	0	0
		1	Tổ dân phố số 7	x		
		2	Tổ dân phố số 11	x		
		3	Tổ dân phố số 15	x		
		4	Tổ dân phố số 17	x		
		5	Tổ dân phố số 25	x		
		6	Tổ dân phố số 28	x		
		7	Tổ dân phố số 29	x		
		8	Tổ dân phố số 37	x		
		9	Tổ dân phố số 42	x		
		10	Tổ dân phố số 43	x		
		11	Tổ dân phố số 44	x		
		12	Tổ dân phố số 45	x		
94	Phường Lào Cai		10	10	0	0
		1	Tổ dân phố số 2 Duyên Hải	x		
		2	Tổ dân phố số 29 Lào Cai	x		
		3	Tổ dân phố số 30 Lào Cai	x		
		4	Tổ dân phố số 40 Vạn Hòa	x		
		5	Tổ dân phố số 41 Vạn Hòa	x		
		6	Tổ dân phố số 42 Bản Phiệt	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		7	Tổ dân phố số 43 Bản Phiệt	x		
		8	Tổ dân phố số 44 Bản Phiệt	x		
		9	Tổ dân phố số 45 Bản Phiệt	x		
		10	Tổ dân phố số 46 Bản Phiệt	x		
95	Xã Cốc San		14	14	11	5
		1	Thôn Tả Tông Sánh	x	x	x
		2	Thôn Tông Xanh	x	x	
		3	Thôn Luổng Láo	x	x	
		4	Thôn Tông Mòn	x		
		5	Thôn Cùm Thượng	x		
		6	Thôn Cùm Hạ 1	x	x	
		7	Thôn Cùm Hạ 2	x		
		8	Thôn Ún Tả	x	x	
		9	Thôn Tông Chú	x	x	
		10	Thôn Luổng Đơ	x	x	
		11	Thôn Chu Cang Hồ	x	x	x
		12	Thôn Tả Hồ	x	x	x
		13	Thôn Kỵ Công Hồ	x	x	x
		14	Thôn Láo Vàng Chải	x	x	x
96	Xã Hợp Thành		17	17	9	7
		1	Thôn Đoàn Kết	x		
		2	Thôn Phân Lân	x		
		3	Thôn Tả Phời	x		
		4	Thôn Pèng 1	x		
		5	Thôn Cáng	x		
		6	Thôn Hợp Thành	x		
		7	Thôn Tượng	x	x	
		8	Thôn Kíp Tước	x	x	
		9	Thôn Cóc	x		
		10	Thôn Đá Đình	x		
		11	Thôn Xéo Tả	x	x	x
		12	Thôn Nậm Rịa	x	x	x
		13	Thôn Phìn Hồ	x	x	x
		14	Thôn Ú Xì Sung	x	x	x
		15	Thôn Pèng	x	x	x
		16	Thôn Làng Mới	x	x	x
		17	Thôn Láo Lý	x	x	x

DANH SÁCH

Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,

thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm Quyết định số 871/QĐ-BDTTG ngày 16 tháng 10 năm 2026

của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

2. TỈNH HÀ TĨNH

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
	Tổng cộng	45		8	42	0
1	Xã Sơn Kim 1		6	1	6	0
		1	Thôn Trung		x	
		2	Thôn Khe Sú		x	
		3	Thôn Kim Cương 2		x	
		4	Thôn Kim Cương 1		x	
		5	Thôn Hà Trai	x	x	
		6	Thôn Vững Tròn		x	
2	Xã Sơn Tây		7	0	7	0
		1	Thôn Hà Tân		x	
		2	Thôn Hoàng Nam		x	
		3	Thôn Kim Thành		x	
		4	Thôn Hà Chua		x	
		5	Thôn Trung Tâm		x	
		6	Thôn Tây Sơn		x	
		7	Thôn Phổ Tây		x	
3	Xã Sơn Kim 2		5	1	5	0
		1	Thôn Quyết Thắng		x	
		2	Thôn Hạ Vàng		x	
		3	Thôn Chế Biền		x	
		4	Thôn Làng Chè	x	x	
		5	Thôn Tiên Phong		x	
4	Xã Vũ Quang		9	1	9	0
		1	Thôn Hương Điền		x	
		2	Thôn Bình Yên		x	
		3	Thôn Sơn Thọ		x	
		4	Thôn Tân Sơn		x	
		5	Thôn Hương Đại		x	
		6	Thôn Hòa Bình		x	
		7	Thôn Hương Minh		x	
		8	Thôn Hương Thọ		x	
		9	Thôn Hương Quang	x	x	
5	Xã Sơn Hồng		5	0	5	0
		1	Thôn Tây Hồng		x	
		2	Thôn Trung Hồng		x	
		3	Thôn Hồng Lĩnh		x	
		4	Thôn Đồng Hồng		x	
		5	Thôn Trung Lĩnh		x	
6	Xã Phúc Trạch		5	3	3	0
		1	Thôn La Khê	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		2	Thôn Hương Trạch	x		
		3	Thôn Nam Hương		x	
		4	Thôn Hương Liên		x	
		5	Bản Rào tre (Hương Liên)	x	x	
7	Xã Hương Khê		1	1	0	0
		1	Thôn Phú Lâm	x		
8	Xã Hương Xuân		7	1	7	0
		1	Thôn Trường Sơn		x	
		2	Thôn Hương Vĩnh		x	
		3	Thôn Bản Giàng II	x	x	
		4	Thôn Trường Giang		x	
		5	Thôn Hương Lâm		x	
		6	Thôn Thuận Hòa		x	
		7	Thôn Chúc A		x	

DANH SÁCH

Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,

thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm Quyết định số 871/QĐ-BDTTG ngày 16 tháng 10 năm 2026

của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

3. TỈNH QUẢNG TRỊ

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
	Tổng cộng		396	155	396	178
1	Xã Dân Hóa		14	14	14	14
		1	Bản Bãi Dinh	X	X	X
		2	Bản K-Vi	X	X	X
		3	Bản Y Leng	X	X	X
		4	Bản Hà Nông	X	X	X
		5	Bản La Trọng	X	X	X
		6	Bản Hưng Hóa	X	X	X
		7	Bản Ra Mai	X	X	X
		8	Bản Cha Lo	X	X	X
		9	Bản Ba Loóc	X	X	X
		10	Bản Rông	X	X	X
		11	Bản Cha Cáp	X	X	X
		12	Bản K-Oóc	X	X	X
		13	Bản Dộ - Tà Vòng	X	X	X
		14	Bản Lôm - K Chăm	X	X	X
2	Xã Kim Điền		5	4	5	5
		1	Bản Hóa Lương	X	X	X
		2	Thôn Hóa Sơn	X	X	X
		3	Thôn Đa Năng	X	X	X
		4	Thôn Hóa Hợp		X	X
		5	Thôn Lâm Sum	X	X	X
3	Xã Kim Phú		12	1	12	5
		1	Bản Yên Hợp	X	X	X
		2	Thôn Phú Nhiêu		X	X
		3	Thôn Tiến Nhất		X	
		4	Thôn Trung Hóa		X	
		5	Thôn Bình Minh		X	X
		6	Thôn Tân Thiện		X	
		7	Thôn Kim Bảng		X	
		8	Thôn Tân Hóa		X	X
		9	Thôn Yên Thọ		X	X
		10	Thôn Thanh Liêm		X	
		11	Thôn Tiền Phong		X	
		12	Thôn Cổ Liêm		X	
4	Xã Minh Hóa		14	0	14	8
		1	Thôn Phong Hóa		X	X
		2	Thôn Hồng Hóa		X	X
		3	Thôn Tân Kiều		X	X

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		4	Thôn Yên Đức		X	
		5	Thôn Yên Hóa		X	
		6	Thôn Minh Thắng		X	
		7	Thôn Minh Tiên		X	
		8	Thôn Quy Đạt		X	
		9	Thôn Hồng Minh		X	
		10	Thôn Thanh Long		X	X
		11	Thôn Ba Nương		X	X
		12	Thôn Hợp Lợi		X	X
		13	Thôn Tiến Hóa		X	X
		14	Thôn Minh Xuân		X	X
5	Xã Tân Thành		7	5	7	6
		1	Thôn Tân Sơn	X	X	X
		2	Thôn Tân Yên	X	X	X
		3	Thôn Yên Thái	X	X	X
		4	Thôn Hóa Tiến	X	X	X
		5	Thôn Hóa Thanh		X	X
		6	Thôn Kiên Trinh	X	X	X
		7	Thôn Hóa Phúc (được đổi tên		X	
6	Xã Thượng Trạch		13	13	13	13
		1	Bản Ban	X	X	X
		2	Bản Cà Roòng	X	X	X
		3	Bản Coóc	X	X	X
		4	Bản Bụt	X	X	X
		5	Bản Nồông	X	X	X
		6	Bản Tuộc	X	X	X
		7	Bản Cờ Đỏ	X	X	X
		8	Bản Chấm Pu	X	X	X
		9	Bản Cồn Roàng	X	X	X
		10	Bản Troi	X	X	X
		11	Bản A Ky	X	X	X
		12	Bản Tân Trạch (được đổi tên từ Bản 39)	X	X	X
		13	Bản Đoòng	X	X	X
7	Xã Tuyên Phú		9	0	9	1
		1	Thôn Đồng Hóa		X	
		2	Thôn Thiết Sơn		X	
		3	Thôn Thạch Hóa		X	
		4	Thôn Huyền Thủy		X	
		5	Thôn Phúc Đồng		X	
		6	Thôn Đức Hóa		X	
		7	Thôn Đức Phú		X	
		8	Thôn Nam Hóa		X	
		9	Thôn Đồng Phú		X	X
8	Xã Tuyên Bình		9	0	9	5
		1	Thôn Hòa Thuận		X	
		2	Thôn Xuân Mai		X	
		3	Thôn Mai Hóa		X	
		4	Thôn Liên Sơn		X	
		5	Thôn Ngự Hóa		X	X
		6	Thôn Minh Cầm		X	X

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		7	Thôn Minh Cẩm Trang		X	X
		8	Thôn Nam Phong		X	X
		9	Thôn Tân Hóa		X	X
9	Xã Tuyên Sơn		5	0	5	3
		1	Thôn 1 Thanh Thạch		X	X
		2	Thôn 2 Thanh Thạch		X	X
		3	Thôn Tân Ấp		X	X
		4	Thôn Tân Hương		X	
		5	Thôn Tân Đức		X	
10	Xã Tuyên Lâm		8	3	8	6
		1	Bản Ka Tang	X	X	X
		2	Thôn Thanh Lạng		X	X
		3	Thôn Thanh Hóa		X	X
		4	Thôn Bắc Sơn		X	
		5	Thôn Sơn Hà		X	X
		6	Bản Cà Xen	X	X	X
		7	Thôn Lâm Hóa (được đổi tên		X	
		8	Bản Kè	X	X	X
11	Xã Tuyên Hóa		11	0	11	0
		1	Thôn Cao Hóa		X	
		2	Thôn Cao Quảng		X	
		3	Thôn Châu Hóa		X	
		4	Thôn Phong Châu		X	
		5	Thôn Tiên Phong		X	
		6	Thôn Tiến Hóa		X	
		7	Thôn Thanh Phong		X	
		8	Thôn Minh Phong		X	
		9	Thôn Hồng Phong		X	
		10	Thôn Lệ Sơn		X	
		11	Thôn Văn Hóa		X	
12	Xã Tân Gianh		9	0	9	0
		1	Thôn Thanh Trường		X	
		2	Thôn Quảng Trường		X	
		3	Thôn Tiên Lương		X	
		4	Thôn Quảng Liên		X	
		5	Thôn Tiên Lang		X	
		6	Thôn Phú Nhuận		X	
		7	Thôn Cảnh Hóa		X	
		8	Thôn Phù Cảnh		X	
		9	Thôn Phù Ninh		X	
13	Xã Đồng Lê		16	0	16	1
		1	Thôn Sơn Hóa		X	
		2	Thôn Đồng Xuân		X	
		3	Thôn Tam Đa		X	
		4	Thôn Đồng Văn		X	
		5	Thôn Đồng Tiến		X	
		6	Thôn Đồng Tân		X	
		7	Thôn Yên Xuân		X	
		8	Thôn Lê Hóa		X	
		9	Thôn Thượng Phong		X	
		10	Thôn Thuận Hóa		X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		11	Thôn Đồng Lào		X	X
		12	Thôn Tân Thủy		X	
		13	Thôn Trung Ninh		X	
		14	Thôn Kim Lũ		X	
		15	Thôn Ba Tâm		X	
		16	Thôn Kim Lịch		X	
14	Xã Phong Nha		19	1	19	1
		1	Thôn Xuân Sơn		X	
		2	Thôn Gia Tĩnh		X	
		3	Thôn Cù Lạc 1		X	
		4	Thôn Sơn Trạch		X	
		5	Thôn Chày Lập		X	
		6	Thôn Phúc Đồng		X	
		7	Thôn Phúc Trạch		X	
		8	Thôn Phúc Khê 1		X	
		9	Thôn Phúc Khê 2		X	
		10	Thôn Thanh Sen		X	
		11	Thôn Lâm Trạch 1		X	
		12	Thôn Lâm Trạch 2		X	
		13	Thôn Khe Gát		X	
		14	Thôn Xuân Trạch		X	
		15	Thôn Ngọn Rào		X	
		16	Thôn Cù Lạc 2		X	
		17	Thôn Phong Nha		X	
		18	Thôn Na		X	
		19	Bản Rào Con	X	X	X
15	Xã Bắc Trạch		13	0	13	1
		1	Thôn Bình Minh		X	
		2	Thôn Mỹ Trung		X	
		3	Thôn Trường Lưu		X	
		4	Thôn Hạ Trạch		X	
		5	Thôn Quang Vinh		X	
		6	Thôn Quyết Tiến		X	
		7	Thôn Phú Kinh		X	
		8	Thôn Liên Trạch		X	
		9	Thôn Thanh Khê		X	
		10	Quyết Thắng		X	
		11	Thôn Tiên Phong		X	
		12	Thôn Thanh Vinh		X	
		13	Thôn Tân Hội		X	X
16	Xã Bồ Trạch		13	0	13	0
		1	Thôn Cự Nẫm		X	
		2	Thôn Tân Nẫm		X	
		3	Thôn Sen Nẫm		X	
		4	Thôn Khương Sơn		X	
		5	Thôn Phú Định		X	
		6	Thôn Phú Thịnh		X	
		7	Thôn Hưng Trạch		X	
		8	Thôn Khương Hà		X	
		9	Thôn Bồng Lai		X	
		10	Thôn Thanh Hưng		X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		11	Thôn Thanh Bình		X	
		12	Thôn Cổ Giang		X	
		13	Thôn Gia Hưng (được đổi tên		X	
17	Xã Hòa Trạch		10	0	10	0
		1	Thôn Châu Hòa		X	
		2	Thôn Tùng Lý		X	
		3	Thôn Quảng Châu		X	
		4	Thôn Quảng Tùng		X	
		5	Thôn Cảnh Dương		X	
		6	Thôn Tiền Tiến		X	
		7	Thôn Trung Minh		X	
		8	Thôn Phúc Kiều		X	
		9	Thôn Sơn Tùng		X	
		10	Thôn Tân Cảnh		X	
18	Xã Đông Trạch		6	0	6	0
		1	Thôn Tân Thanh		X	
		2	Thôn Sơn Lộc		X	
		3	Thôn Hỷ Duyệt		X	
		4	Thôn Phú Trạch		X	
		5	Thôn Thuận Phú		X	
		6	Thôn Tân Lý		X	
19	Xã Nam Trạch		6	1	6	1
		1	Thôn Nam Đình		X	
		2	Thôn Phú Quý		X	
		3	Thôn Việt Trung		X	
		4	Thôn Bắc Đình		X	
		5	Thôn Đông Tây Thành		X	
		6	Bản Khe Ngát	X	X	X
20	Xã Phú Trạch		14	0	14	0
		1	Thôn Quảng Hợp		X	
		2	Thôn Phú Hạ		X	
		3	Thôn Kim Sơn		X	
		4	Thôn Quảng Kim		X	
		5	Thôn Phú Lộc		X	
		6	Thôn Quảng Phú		X	
		7	Thôn 19-5		X	
		8	Thôn Bưởi Rỏi		X	
		9	Thôn Thanh Xuân		X	
		10	Thôn Kim Long (được đổi tên		X	
		11	Thôn Nam Lành		X	
		12	Thôn Thọ Sơn		X	
		13	Thôn Minh Sơn		X	
		14	Thôn Vịnh Sơn		X	
21	Xã Trung Thuận		8	0	8	0
		1	Thôn Sơn Thạch		X	
		2	Thôn Minh Thạch		X	
		3	Thôn Vân Tiên		X	
		4	Thôn Tam Đa		X	
		5	Thôn Phù Lưu		X	
		6	Thôn Văn Hà		X	
		7	Thôn Hải Lưu		X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		8	Thôn Hà Tiến		X	
22	Xã Trường Sơn		15	11	15	11
		1	Thôn Trường Xuân		X	
		2	Thôn Kim Sen		X	
		3	Thôn Kim Phú	X	X	X
		4	Thôn Long Xuân		X	
		5	Thôn Tân Hồng		X	
		6	Bản Trường Lâm	X	X	X
		7	Bản Xuân Tiến	X	X	X
		8	Bản Trung Sơn	X	X	X
		9	Bản Rào Tràng	X	X	X
		10	Bản Bến Tiêm	X	X	X
		11	Bản Ploang - Rìn Rìn	X	X	X
		12	Bản Đoàn Kết	X	X	X
		13	Bản Sắt	X	X	X
		14	Bản Khe Cát	X	X	X
		15	Bản Dốc Mây	X	X	X
23	Xã Kim Ngân		13	12	13	12
		1	Bản Kim Thủy	X	X	X
		2	Bản Bang	X	X	X
		3	Bản An Bai	X	X	X
		4	Bản Làng Ho	X	X	X
		5	Bản Lâm Thủy	X	X	X
		6	Bản Tăng Ký	X	X	X
		7	Bản Ngân Thủy	X	X	X
		8	Bản Ngân Tiến	X	X	X
		9	Bản Cò Kiềng		X	
		10	Bản Còi Đá	X	X	X
		11	Bản Khe Giữa	X	X	X
		12	Bản Eo Bù - Chút Mút	X	X	X
		13	Bản Bạch Đàn	X	X	X
24	Xã Tân Mỹ		9	0	9	0
		1	Thôn Minh Tiến		X	
		2	Thôn Hồng Thái		X	
		3	Thôn Thái Thủy		X	
		4	Thôn Tiên Phong		X	
		5	Thôn Đông Nam		X	
		6	Thôn Dương Thủy		X	
		7	Thôn Mỹ Trạch		X	
		8	Thôn Thống Nhất		X	
		9	Thôn Mỹ Hà		X	
25	Xã Trường Phú		5	0	5	0
		1	Thôn Trường Thủy		X	
		2	Thôn Văn Thủy		X	
		3	Thôn An Sinh		X	
		4	Thôn Tam Hương		X	
		5	Thôn Phú Hòa		X	
26	Xã Nam Ba Đồn		1	0	1	0
		1	Thôn Tân Sơn		X	
27	Xã Hướng Lập		4	4	4	4

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		1	Thôn Tà Rùng	X	X	X
		2	Thôn A Xóc - Cha Lý	X	X	X
		3	Thôn Cuối - Tri	X	X	X
		4	Thôn Cù Bai	X	X	X
28	Xã Hướng Phùng		11	11	11	9
		1	Thôn Hướng Linh	X	X	X
		2	Thôn Cooc	X	X	X
		3	Thôn Kọp	X	X	
		4	Thôn Xa Ry	X	X	
		5	Thôn Phùng Lâm	X	X	X
		6	Thôn Cheng	X	X	X
		7	Thôn Doa Mã Lai	X	X	X
		8	Thôn Hướng Sơn	X	X	X
		9	Thôn Hồ Mới	X	X	X
		10	Thôn Cát Trĩa	X	X	X
		11	Thôn Miệt (được đổi tên từ	X	X	X
29	Xã Lìa		7	7	7	7
		1	Thôn Tân Thuận	X	X	X
		2	Thôn Thuận phú	X	X	X
		3	Thôn Thanh Hòa	X	X	X
		4	Thôn Thanh Mới	X	X	X
		5	Thôn A Túc	X	X	X
		6	Thôn Tam Hòa	X	X	X
		7	Thôn A Xing	X	X	X
30	Xã A Dơi		6	6	6	6
		1	Thôn Xy	X	X	X
		2	Thôn A Dơi Đór	X	X	X
		3	Thôn A Dơi Cô	X	X	X
		4	Thôn Măng Sông	X	X	X
		5	Thôn Trùm	X	X	X
		6	Thôn Ba Tầng	X	X	X
31	Xã Lao Bảo		12	4	12	4
		1	Thôn Triệu Phước		X	
		2	Thôn Tân Kim	X	X	X
		3	Thôn Tân Phước		X	
		4	Thôn Ka Tăng	X	X	X
		5	Thôn Tân Thành	X	X	X
		6	Thôn Triệu Thành		X	
		7	Thôn Tân Long		X	
		8	Thôn Triệu Long		X	
		9	Thôn Làng Vây	X	X	X
		10	Thôn Vĩnh Đông		X	
		11	Thôn Trung Chín		X	
		12	Thôn Tây Chín		X	
32	Xã Khe Sanh		16	9	16	7
		1	Thôn 5	X	X	
		2	Thôn Trầm	X	X	X
		3	Thôn Ván Ri	X	X	X
		4	Thôn Ta Rùng	X	X	X
		5	Thôn Ruộng	X	X	X
		6	Thôn Quyết Tâm		X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		7	Thôn Lương Lễ	X	X	
		8	Thôn 1		X	
		9	Thôn 2		X	
		10	Thôn 3A		X	
		11	Thôn 3B		X	
		12	Thôn 4		X	
		13	Thôn Ta Cu	X	X	X
		14	Thôn Ho Le	X	X	X
		15	Thôn Tân Xuyên		X	
		16	Thôn Xa Rường	X	X	X
33	Xã Tân Lập		9	5	9	5
		1	Thôn Bù Vây	X	X	X
		2	Thôn Cồn Cheng	X	X	X
		3	Thôn Hướng Lộc	X	X	X
		4	Thôn Ta Xía	X	X	X
		5	Thôn Cu Ty	X	X	X
		6	Thôn Thuận Tài		X	
		7	Thôn Trung Sơn		X	
		8	Thôn Tân Liên		X	
		9	Thôn Phú Hoà		X	
34	Xã La Lay		5	5	5	5
		1	Thôn Ty Nê	X	X	X
		2	Thôn A Rong	X	X	X
		3	Thôn A Bung	X	X	X
		4	Thôn La Lay	X	X	X
		5	Thôn A Ngo	X	X	X
35	Xã Tà Rụt		8	8	8	8
		1	Thôn Húc Nghi	X	X	X
		2	Thôn A Liêng	X	X	X
		3	Thôn A Đẳng	X	X	X
		4	Thôn Tà Rụt	X	X	X
		5	Thôn A Vao	X	X	X
		6	Thôn Tân Đi	X	X	X
		7	Thôn Cựp	X	X	X
		8	Thôn Pa Ling	X	X	X
36	Xã Đakrông		11	11	11	11
		1	Thôn Làng Cát	X	X	X
		2	Thôn Klu	X	X	X
		3	Thôn Chân Rò	X	X	X
		4	Thôn Xa Lăng	X	X	X
		5	Thôn Pa Nang	X	X	X
		6	Thôn Sa Trầm	X	X	X
		7	Thôn Ra Poong	X	X	X
		8	Thôn Pa Hy	X	X	X
		9	Thôn Ly Tôn	X	X	X
		10	Thôn Pa Ngày	X	X	X
		11	Thôn Trại Cá	X	X	X
37	Xã Ba Lòng		5	2	5	2
		1	Thôn Đá Nổi		X	
		2	Thôn Hải Phúc	X	X	X
		3	Thôn Triệu Nguyên		X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		4	Thôn Mai Sơn	X	X	X
		5	Thôn Hà Lương		X	
38	Xã Hướng Hiệp		9	8	9	8
		1	Thôn 1	X	X	X
		2	Thôn 2		X	
		3	Thôn Đồng Phú	X	X	X
		4	Thôn Phú Thiêng	X	X	X
		5	Thôn A Rông	X	X	X
		6	Thôn Phú An	X	X	X
		7	Thôn Ruộng	X	X	X
		8	Thôn Khe Van (được đổi tên	X	X	X
		9	Thôn Gia Giã	X	X	X
39	Xã Cam Lộ		9	0	9	0
		1	Thôn Tân Lâm		X	
		2	Thôn Cam Thành		X	
		3	Thôn Cam Lộc		X	
		4	Thôn Tân Sở		X	
		5	Thôn Cam Chính		X	
		6	Thôn Cam Sơn		X	
		7	Thôn An Sơn		X	
		8	Thôn Cam Nghĩa		X	
		9	Thôn Tân Nghĩa		X	
40	Xã Hiếu Giang		4	1	4	0
		1	Thôn Tân Tuyên		X	
		2	Thôn Cam Tuyên		X	
		3	Thôn An Tuyên		X	
		4	Thôn Bản Chùa	X	X	
41	Xã Cồn Tiên		6	3	6	3
		1	Thôn Khe Me	X	X	X
		2	Thôn Linh Thượng	X	X	X
		3	Thôn Vĩnh Trường	X	X	X
		4	Thôn Hải Thái		X	
		5	Thôn Hải An		X	
		6	Thôn An Phú		X	
42	Xã Bến Quan		10	6	10	6
		1	Thôn Vĩnh Ô	X	X	X
		2	Thôn Lền	X	X	X
		3	Thôn Mít	X	X	X
		4	Thôn Vĩnh Khê	X	X	X
		5	Thôn Bãi Hà	X	X	X
		6	Thôn Vĩnh Hà		X	
		7	Thôn Bến Tiên		X	
		8	Thôn Đoàn Kết		X	
		9	Thôn Quyết Thắng		X	
		10	Thôn Xung Phong	X	X	X

DANH SÁCH

Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,

thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm Quyết định số 871/QĐ-BDTTG ngày 16 tháng 10 năm 2026

của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

4. TỈNH KHÁNH HOÀ

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
	Tổng cộng	164		151	102	73
1	Xã Ninh Phước		7	7		
		1	Bàu Trúc	x		
		2	Thành Tín	x		
		3	Phú Nhuận	x		
		4	Chung Mỹ	x		
		5	Mỹ Nghiệp 1	x		
		6	Mỹ Nghiệp 2	x		
		7	Vĩnh Thuận	x		
2	Xã Thuận Nam		8	8		
		1	Vụ Bồn	x		
		2	Tân Bồn	x		
		3	Văn Lâm 1	x		
		4	Văn Lâm 2	x		
		5	Văn Lâm 3	x		
		6	Văn Lâm 4	x		
		7	Phước Lập Tam Lang	x		
		8	Hiếu Thiện	x		
3	Xã Xuân Hải		4	4		
		1	An Nhơn	x		
		2	Phước Nhơn 1	x		
		3	Phước Nhơn 2	x		
		4	Phước Nhơn 3	x		
4	Xã Suối Dầu		1	1	1	
		1	Suối Lau	x	x	
5	Xã Khánh Vĩnh		5	4	5	2
		1	Thôn 1	x	x	
		2	Thôn 2	x	x	
		3	Sông Cầu		x	
		4	Giang Mương	x	x	x
		5	Sơn Thành	x	x	x
6	Xã Nam Cam Ranh		2	2		
		1	Thịnh Sơn	x		
		2	Sông Cạn	x		
7	Xã Tây Ninh Hòa		3	3	2	
		1	Ninh Tây	x		
		2	Sông Bung	x	x	
		3	Suối Sim	x	x	
8	Phường Đô Vinh		2	2		1
		1	Núi Ngõng	x		x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		2	Lương Tri	x		
9	Xã Bắc Khánh Vĩnh		4	3	3	
		1	Suối Thom	x	x	
		2	Ba Dùi	x	x	
		3	Bến Khế	x		
		4	Suối Cau		x	
10	Xã Lâm Sơn		7	4	6	3
		1	Lập Lá	x	x	x
		2	Gòn	x	x	x
		3	Tầm Ngân	x	x	x
		4	Trà Giang	x		
		5	Lâm Bình		x	
		6	Lâm Phú		x	
		7	Tân Bình		x	
11	Xã Phước Hữu		9	9		1
		1	Thành Đức	x		
		2	Tân Đức	x		
		3	Hữu Đức	x		
		4	Hậu Sanh	x		
		5	Hoài Trung	x		
		6	Như Bình	x		
		7	Như Ngọc	x		
		8	Hoài Ni	x		
		9	Tà Dương	x		x
12	Xã Phước Hậu		5	5		1
		1	Liên Sơn 2	x		x
		2	Chát Thường	x		
		3	Hiếu Lễ	x		
		4	Phước Đồng 1	x		
		5	Phước Đồng 2	x		
13	Xã Ninh Hải		3	3		2
		1	Xóm Bằng	x		x
		2	Xóm Bằng 2	x		x
		3	Bình Nghĩa	x		
14	Xã Cam Hiệp		4	2	4	
		1	VaLy	x	x	
		2	Suối Cốc	x	x	
		3	Xuân Lập		x	
		4	Hòa Hiệp		x	
15	Xã Khánh Sơn		7	7	7	
		1	Tà Lương	x	x	
		2	Liên Hòa	x	x	
		3	Xóm Cỏ	x	x	
		4	Tà Gụ	x	x	
		5	Hòn Dung	x	x	
		6	Dốc Gạo	x	x	
		7	Tô Hạp	x	x	
16	Xã Đông Khánh Sơn		7	7	7	7
		1	Tà Nĩa	x	x	x
		2	Dốc Trầu	x	x	x
		3	Suối Đá	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		4	Tha Mang	x	x	x
		5	A Thi	x	x	x
		6	Sơn Trung	x	x	x
		7	Ba Cùm Nam	x	x	x
17	Xã Tây Khánh Sơn		6	5	6	4
		1	A Pa	x	x	x
		2	Thành Sơn	x	x	x
		3	Tà Giang	x	x	x
		4	Du Oai	x	x	x
		5	Ha Nít	x	x	
		6	Cam Khánh		x	
18	Xã Trung Khánh Vĩnh		5	5	5	2
		1	Ba Căng	x	x	x
		2	Suối Cá	x	x	
		3	Sông Giang	x	x	
		4	Hòn Lay	x	x	x
		5	Cà Thiều	x	x	
19	Xã Tây Khánh Vĩnh		5	5	5	5
		1	Tà Gộc	x	x	x
		2	Suối Cát	x	x	x
		3	Giang Ly	x	x	x
		4	Hòn Dù	x	x	x
		5	A Xay	x	x	x
20	Xã Nam Khánh Vĩnh		6	6	6	4
		1	Gia Răng	x	x	
		2	Đá Bàn	x	x	x
		3	Đá Trắng	x	x	x
		4	Tà Mơ	x	x	
		5	Liên Sang	x	x	x
		6	Sơn Thái	x	x	x
21	Xã Thuận Bắc		8	8	4	5
		1	Suối Đá	x		x
		2	Suối Le	x	x	x
		3	Bà Râu 1	x		
		4	Bà Râu 2	x		
		5	Ấn Đạt	x		
		6	Kiên Kiên	x	x	x
		7	Phước Kháng	x	x	x
		8	Đá Liệt	x	x	x
22	Xã Phước Hà		4	4	3	4
		1	Là A	x	x	x
		2	Tân Hà	x	x	x
		3	Trà Nô	x		x
		4	Giá	x	x	x
23	Xã Công Hải		8	7	7	3
		1	Ma Trai	x	x	x
		2	Thôn Suối Vang	x		
		3	Thôn Bình Tiên		x	
		4	Động Thông	x	x	x
		5	Phước Chiến	x	x	x
		6	Suối Giếng	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		7	Hiệp Kết	x	x	
		8	Kà Rôm	x	x	
24	Xã Anh Dũng		9	6	9	6
		1	Do	x	x	x
		2	Hà Dài	x	x	x
		3	Tà Nôi	x	x	x
		4	Gia Hoa	x	x	x
		5	Tân Lập		x	
		6	Tân Định	x	x	x
		7	Thôn Ú	x	x	x
		8	Tân Hiệp		x	
		9	Tân Hòa		x	
25	Xã Mỹ Sơn		5	5	1	4
		1	Phú Thạnh	x		
		2	Mỹ Hiệp	x		x
		3	Nha Húi	x		x
		4	Rã Trên	x	x	x
		5	Đồng Dầy	x		x
26	Xã Bác Ái		8	8	4	8
		1	Trà Co	x		x
		2	Suối Rua	x	x	x
		3	Chà Đung	x		x
		4	Ma Oai	x		x
		5	Phước Tiến	x		x
		6	Đá Bàn	x	x	x
		7	Phước Thắng	x	x	x
		8	Phước Chính	x	x	x
27	Xã Bác Ái Tây		7	7	7	5
		1	Ma lâm	x	x	x
		2	Phước Tân	x	x	x
		3	Bạc Rây	x	x	x
		4	Bố Lang	x	x	x
		5	Phước Bình	x	x	
		6	Hành Rạc	x	x	
		7	Phước Hòa	x	x	x
28	Xã Bác Ái Đông		5	5	5	4
		1	Phước Đại	x	x	
		2	Tà Lú	x	x	x
		3	Ma Hoa	x	x	x
		4	Phước Lâm	x	x	x
		5	Phước Thành	x	x	x
29	Xã Ninh Sơn		1	1		1
		1	Lương Giang	x		x
30	Xã Vĩnh Hải		1	1	1	1
		1	Cầu Gậy - Đá Hang	x	x	x
31	Xã Cam Lâm		1	1	1	
		1	Đồng Cau	x	x	
32	Xã Cam An		2	1	2	
		1	Văn Sơn	x	x	
		2	Tân Lập		x	
33	Xã Diên Thọ		1	1	1	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		1	Đá Mài	x	x	
34	Phường Cam Ranh		1	1		
		1	Xuân Ninh	x		
35	Phường Ba Ngòi		1	1		
		1	Giải Phóng	x		
36	Xã Nam Ninh Hoà		1	1		
		1	Suối Sâu	x		
37	Xã Phước Dinh		1	1		
		1	Thôn Tuần Tú	x		

DANH SÁCH

Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,

thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm Quyết định số 871/QĐ-BDTTG ngày 16 tháng 10 năm 2026

của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

5. TỈNH AN GIANG

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
	Tổng cộng		306	283	68	125
1	Phường Châu Đốc		1	1	0	0
		1	Khóm 5	x		
2	Xã Khánh Bình		1	1	0	0
		1	Ấp Bình Di	x		
3	Xã Nhơn Hội		2	2	0	2
		1	Ấp Búng Lớn	x		x
		2	Ấp Đồng Ky	x		x
4	Xã Vĩnh Hậu		2	2	0	1
		1	Ấp Hà Bao 2	x		
		2	Ấp La Ma	x		x
5	Xã Châu Phong		2	2	0	0
		1	Ấp Phum Soài	x		
		2	Ấp Châu Giang	x		
6	Phường Chi Lăng		6	5	4	5
		1	Khóm Tân Long	x	x	x
		2	Khóm Núi Voi		x	
		3	Khóm Tân Thuận	x	x	x
		4	Khóm Mỹ Á	x		x
		5	Khóm Tân Hiệp	x	x	x
		6	Khóm 3	x		x
7	Phường Tịnh Biên		7	3	7	7
		1	Khóm Xuân Phú	x	x	x
		2	Khóm Phú Tâm	x	x	x
		3	Khóm Phú Hiệp		x	x
		4	Khóm Phú Hòa		x	x
		5	Khóm Phú Nhứt		x	x
		6	Khóm Phú Cường		x	x
		7	Khóm Xuân Hiệp	x	x	x
8	Xã An Cư		13	13	4	13
		1	Ấp Vĩnh Thượng	x	x	x
		2	Ấp Chơn Cô	x	x	x
		3	Ấp Vân Râu	x		x
		4	Ấp Vĩnh Tây	x		x
		5	Ấp Vĩnh Lập	x		x
		6	Ấp Măng Rò	x		x
		7	Ấp Pô Thi	x		x
		8	Ấp Vĩnh Tâm	x		x
		9	Ấp Dây Cà Hom	x		x
		10	Ấp Soài Chék	x	x	x
		11	Ấp Bà Đen	x		x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		12	Ấp Vĩnh Hạ	x		x
		13	Ấp Ba Xoài	x	x	x
9	Xã Núi Cấm		5	3	5	5
		1	Ấp Vồ Đầu		x	x
		2	Ấp An Lợi	x	x	x
		3	Ấp An Thạnh	x	x	x
		4	Ấp An Hòa	x	x	x
		5	Ấp Thiên Tuế		x	x
10	Xã Tri Tôn		16	16	13	11
		1	Ấp Tô Hạ	x	x	x
		2	Ấp An Lộc	x	x	x
		3	Ấp 6	x		
		4	Ấp Tô Thuận	x	x	x
		5	Ấp Bằng Rò	x	x	x
		6	Ấp An Lợi	x	x	x
		7	Ấp An Hòa	x	x	x
		8	Ấp 5	x		
		9	Ấp An Thuận	x	x	x
		10	Ấp 1	x	x	
		11	Ấp Phnôm Pi	x	x	x
		12	Ấp 4	x	x	
		13	Ấp Tô Trung	x	x	x
		14	Ấp Rò Leng	x	x	x
		15	Ấp 3	x		
		16	Ấp Tà On	x	x	x
11	Xã Ba Chúc		10	3	10	9
		1	Ấp An Định A		x	x
		2	Ấp An Thạnh		x	x
		3	Ấp An Hòa A		x	x
		4	Ấp An Bình	x	x	x
		5	Ấp An Định B		x	x
		6	Ấp Thanh Lương		x	x
		7	Ấp An Hòa B		x	
		8	Ấp Sóc Tức	x	x	x
		9	Ấp Trung An	x	x	x
		10	Ấp Núi Nước		x	x
12	Xã Ô Lâm		12	11	11	10
		1	Ấp Sà Lôn	x	x	
		2	Ấp Ô Tà Sóc		x	
		3	Ấp Phước Thọ	x	x	x
		4	Ấp Phước Long	x	x	x
		5	Ấp Ninh Hòa	x	x	x
		6	Ấp Ninh Lợi	x	x	x
		7	Ấp Phước An	x		x
		8	Ấp Tà Miệt	x	x	x
		9	Ấp Phước Bình	x	x	x
		10	Ấp Phước Lợi	x	x	x
		11	Ấp Phước Lộc	x	x	x
		12	Ấp Ninh Thuận	x	x	x
13	Xã Cô Tô		4	3	4	3
		1	Ấp Tô Lợi	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		2	Ấp Tô Bình		x	
		3	Ấp Sóc Triết	x	x	x
		4	Ấp Tô An	x	x	x
14	Xã An Châu		2	2	0	0
		1	Ấp Hòa Tân	x		
		2	Ấp Đông Bình Trạch	x		
15	Xã Cần Đăng		1	1	0	0
		1	Ấp Cần Thạnh	x		
16	Xã Phú Hòa		1	1	0	0
		1	Ấp Kinh Đào	x		
17	Xã Ốc Eo		8	3	8	4
		1	Ấp Sơn Hòa		x	
		2	Ấp Sơn Tân		x	x
		3	Ấp Trung Sơn	x	x	x
		4	Ấp Sơn Lập		x	x
		5	Ấp Tân Đông	x	x	x
		6	Ấp Tân Hiệp B	x	x	
		7	Ấp Tân Thành		x	
		8	Ấp Tân Hiệp A		x	
18	Phường Rạch Giá		9	9	0	0
		1	Khu phố An Bình 4	x		
		2	Khu phố Vĩnh Viễn	x		
		3	Khu phố An Bình 5	x		
		4	Khu phố Vĩnh Lợi 1	x		
		5	Khu phố Rạch Sỏi 1	x		
		6	Vĩnh Lợi 3	x		
		7	Khu phố Đồng Khởi	x		
		8	Khu phố Vĩnh Lạc 1	x		
		9	Khu phố Vĩnh Thanh Vân 2	x		
19	Phường Vĩnh Thông		6	6	0	0
		1	Khu phố Văn Tiến Dũng	x		
		2	Khu phố Trung Thành	x		
		3	Khu phố Tà Keo Ngọn	x		
		4	Khu phố Mỹ Trung	x		
		5	Khu phố Phi Thông	x		
		6	Khu phố Sóc Cung	x		
20	Phường Tô Châu		2	2	0	0
		1	Khu phố Dương Hòa	x		
		2	Khu phố Tà Săng	x		
21	Phường Hà Tiên		6	6	0	0
		1	Khu phố Bà Lý	x		
		2	Khu phố Thạch Động	x		
		3	Khu phố Xà Xía	x		
		4	Khu phố III - Pháo Đài	x		
		5	Khu phố II - Pháo Đài	x		
		6	Khu phố Mỹ Lộ	x		
22	Xã Kiên Lương		9	9	0	0
		1	Ấp Ba Hòn	x		
		2	Ấp Hòn Trẹm	x		
		3	Ấp Song Chính	x		
		4	Ấp Rẫy Mới	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		5	Ấp Lung Kha Na	x		
		6	Ấp Rạch Đùng	x		
		7	Ấp Xà Ngách	x		
		8	Ấp Ba Trại	x		
		9	Ấp Ba Núi	x		
23	Xã Vĩnh Điều		3	3	0	3
		1	Ấp Đồng Cơ	x		x
		2	Ấp Tràm Trôi	x		x
		3	Ấp Vĩnh Lợi	x		x
24	Xã Giang Thành		7	7	0	4
		1	Ấp Trần Thệ	x		x
		2	Ấp Cỏ Quen	x		x
		3	Ấp Tiên Khánh	x		
		4	Ấp Giồng Kè	x		
		5	Ấp Tà Teng	x		x
		6	Ấp Trà Phọt	x		x
		7	Ấp Tân Thạnh	x		
25	Xã Hòn Đất		10	10	0	0
		1	Ấp Bến Đá	x		
		2	Ấp Hòn Me	x		
		3	Ấp Hòn Sóc	x		
		4	Ấp Linh Huỳnh	x		
		5	Ấp Sơn Bình	x		
		6	Ấp Hòn Quéo	x		
		7	Ấp Hòn Đất	x		
		8	Ấp Vàm Biển	x		
		9	Ấp Vạn Thanh	x		
		10	Ấp Huỳnh Sơn	x		
26	Xã Bình Sơn		1	1	0	0
		1	Ấp Vàm Rầy	x		
27	Xã Bình Giang		2	2	0	2
		1	Ấp Ranh Hạt	x		x
		2	Ấp Giồng Kè	x		x
28	Xã Sơn Kiên		7	7	0	7
		1	Ấp Thái Tân	x		x
		2	Ấp Vàm Răng	x		x
		3	Ấp Tà Lóc	x		x
		4	Ấp Mương Kinh A	x		x
		5	Ấp Vàm Biển	x		x
		6	Ấp Kinh Mới	x		x
		7	Ấp Kiên Bình	x		x
29	Xã Mỹ Thuận		4	4	0	0
		1	Ấp Hiệp Tân	x		
		2	Ấp Thành Công	x		
		3	Ấp Sơn Thịnh	x		
		4	Ấp Sơn Tiến	x		
30	Xã Mỹ Đức		1	1	0	0
		1	Ấp Khánh Mỹ	x		
31	Xã Thạnh Đông		3	3	0	0
		1	Ấp Tàu Hơi B	x		
		2	Ấp Thạnh Trị	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		3	Ấp Thạnh Trúc	x		
32	Xã Châu Thành		9	9	0	3
		1	Ấp Minh Hưng	x		x
		2	Ấp Tân Hưng	x		x
		3	Ấp Minh Long	x		
		4	Ấp Hòa Thạnh	x		
		5	Ấp Minh Tân	x		
		6	Ấp Minh Phú	x		x
		7	Ấp An Bình	x		
		8	Ấp Bình Lợi	x		
		9	Ấp Minh An	x		
33	Xã Thạnh Lộc		5	5	0	0
		1	Ấp Phước Chung	x		
		2	Ấp Thạnh Bình	x		
		3	Ấp Thạnh Yên	x		
		4	Ấp Phước Lợi	x		
		5	Ấp Thạnh Hưng	x		
34	Xã Bình An		9	9		1
		1	Ấp Xà Xiêm	x		x
		2	Ấp Sua Đũa	x		
		3	Ấp Hòa Thuận	x		
		4	Ấp Vĩnh Hòa	x		
		5	Ấp Vĩnh Phú	x		
		6	Ấp Vĩnh Đăng	x		
		7	ấp An Ninh	x		
		8	Ấp An Thới	x		
		9	Ấp Minh Phong	x		
35	Xã Giồng Riềng		13	13	0	5
		1	Ấp Tà Yêm	x		x
		2	Ấp Xẻo Cui	x		
		3	Ấp Nguyễn Văn Rồ	x		
		4	Ấp Cây Quéo	x		
		5	Ấp Thạnh Hòa	x		
		6	Ấp Cây Trôm	x		x
		7	Ấp Nguyễn Tấn Thêm	x		x
		8	Ấp Trần Tác Chiến	x		
		9	Ấp Vĩnh Hòa	x		
		10	Ấp Giồng Đá	x		x
		11	Ấp Trần Văn Nghĩa	x		
		12	Ấp Sờ Tại	x		
		13	Ấp Trâm Chệt	x		x
36	Xã Thạnh Hưng		2	2	0	2
		1	Ấp Thạnh An	x		x
		2	Ấp Thạnh Ngọc	x		x
37	Xã Ngọc Chúc		4	4	0	3
		1	Ấp Ngọc Bình	x		x
		2	Ấp Ngọc Tân	x		x
		3	Ấp Ngọc Lợi	x		
		4	Ấp Sáu Trường	x		x
38	Xã Long Thạnh		12	12	0	12
		1	Ấp Vĩnh Lợi	x		x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		2	Ấp Nguyễn Hưởng	x		x
		3	Ấp Danh Thới	x		x
		4	Ấp Vinh Phước	x		x
		5	Ấp Xẻo Chác	x		x
		6	Ấp Bến Nhứt	x		x
		7	Ấp Cò Khía	x		x
		8	Ấp Lương Trục	x		x
		9	Ấp Vĩnh Thành	x		x
		10	Ấp Đường Xuông	x		x
		11	Ấp Năm Hải	x		x
		12	Ấp Đường Gổ Lộ	x		x
39	Xã Hòa Thuận		4	4	0	0
		1	Ấp Hòa An B	x		
		2	Ấp Hai Lành	x		
		3	Ấp Hai Tỷ	x		
		4	Ấp Hòa Phú	x		
40	Xã Gò Quao		15	15	0	6
		1	Ấp An Bình	x		
		2	Ấp An Trung	x		
		3	Ấp An Phước	x		x
		4	Ấp An Hiệp	x		x
		5	Ấp Phước Hưng	x		
		6	Ấp Phước Thành	x		
		7	Ấp Phước Đạt	x		x
		8	Ấp Phước Trung	x		
		9	Ấp An Thuận	x		
		10	Ấp Phước Thọ	x		
		11	Ấp An Phong	x		
		12	Ấp An Phú	x		x
		13	Ấp Phước Lập	x		x
		14	Ấp Phước Thới	x		
		15	Ấp An Lợi	x		x
41	Xã Định Hòa		18	18	0	3
		1	Ấp Hòa Tạo	x		
		2	Ấp Hiệp An	x		x
		3	Ấp Hòa Thành	x		
		4	Ấp Khương Bình	x		x
		5	Ấp Châu Thành	x		
		6	Ấp Hòa Lễ	x		
		7	Ấp Hòa Hiếu 1	x		
		8	Ấp Thạnh Hòa	x		
		9	Ấp Hòa Út	x		
		10	Ấp Hòa Hiếu 2	x		
		11	Ấp Hòa Hón	x		
		12	Ấp Xuân Bình	x		
		13	Ấp Thới Đông	x		
		14	Ấp Hòa Thạnh	x		
		15	Ấp Thu Đông	x		
		16	Ấp Hòa Thanh	x		
		17	Ấp Hòa Mỹ	x		x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		18	Ấp Hòa Bình	x		
42	Xã Vĩnh Hòa Hưng		5	5	0	0
		1	Ấp Lục Phi	x		
		2	Ấp Vĩnh Trung	x		
		3	Ấp Vĩnh Yên	x		
		4	Ấp Vĩnh Hiệp	x		
		5	Ấp Tạ Quang Tỷ	x		
43	Xã Vĩnh Tuy		2	2	0	0
		1	Ấp Vĩnh Tân	x		
		2	Ấp Vĩnh Hùng	x		
44	Xã An Biên		8	8	0	0
		1	Ấp Tây Sơn	x		
		2	Ấp Xẻo Đước	x		
		3	Ấp Đông Yên	x		
		4	Ấp Thứ Hai	x		
		5	Ấp Xẻo Kè	x		
		6	Ấp Thứ Ba	x		
		7	Ấp Cái Nước	x		
		8	Ấp 1	x		
45	Xã Tây Yên		1	1	0	0
		1	Ấp Bào Trâm	x		
46	Xã Đông Thái		4	4	0	0
		1	Ấp Kinh 1	x		
		2	Ấp Bào Láng	x		
		3	Ấp 5 Chùa	x		
		4	Ấp Kinh Làng	x		
47	Xã Vĩnh Hòa		4	4	0	0
		1	Ấp Bờ Dừa	x		
		2	Ấp Cạn Vàm	x		
		3	Ấp Vĩnh Trung	x		
		4	Ấp Xẻo Kè	x		
48	Xã Đông Hòa		2	2	0	0
		1	Ấp 8 Xáng	x		
		2	Ấp Thạnh An	x		
49	Xã U Minh Thượng		8	8	0	4
		1	Ấp Minh Cường	x		
		2	Ấp An Thạnh	x		
		3	Ấp Minh Tiến A	x		
		4	Ấp Minh Kiên A	x		x
		5	Ấp Kinh Năm	x		
		6	Ấp Minh Thành	x		x
		7	Ấp Minh Dũng A	x		x
		8	Ấp Minh Tân	x		x
50	Xã Vĩnh Phong		4	4	0	0
		1	Ấp Vĩnh Phước	x		
		2	Ấp Cái Nhum	x		
		3	Ấp Vĩnh Thạnh	x		
		4	Ấp Vĩnh Tây	x		
51	Xã Vĩnh Bình		7	7	0	0
		1	Ấp Hòa Thạnh	x		
		2	Ấp Bình An	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		3	Ấp Xẻo Gia	x		
		4	Ấp Đồng Tranh	x		
		5	Ấp Hòa Thành	x		
		6	Ấp Bời Lồi B	x		
		7	Ấp Bình Hòa	x		
52	Xã Vĩnh Thuận		1	1	0	0
		1	Ấp Kênh 2	x		
53	Xã Hòa Điền		2	2	0	0
		1	Ấp Lung Lớn	x		
		2	Ấp Núi Trầu	x		
54	Xã Vĩnh Hanh		1	1	0	0
		1	Ấp Vĩnh Hòa	x		
55	Phường Thới Sơn		3	1	2	0
		1	Khóm Trà Sư		x	
		2	Khóm Tây Hưng	x		
		3	Khóm Núi Két		x	